

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/11/2018, được sửa đổi bởi Quyết định số 1321/QĐ-NHNN ngày 11/08/2021 và Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 08/04/2025)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: /QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày: . . . tháng . . . năm 2025 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Trụ sở chính: Số 77, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 39423388

Fax: (84 24) 39410844

Website: www.shb.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ngô Thu Hà

Chức vụ: Tổng Giám đốc - SHB

Số điện thoại: (84 24) 39423388

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/11/2018, được sửa đổi bởi Quyết định số 1321/QĐ-NHNN ngày 11/08/2021 và Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 08/04/2025)

Trụ sở chính: Số 77, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 39423388

Email: banalm@shb.com.vn

Fax: (84 24) 39410844

Website: www.shb.com.vn

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên trái phiếu: Trái phiếu SHB phát hành ra công chúng năm 2024 (SHBC7Y202401)

Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của SHB

Mã trái phiếu: SHB125010

Ngày Phát Hành: 28/02/2025

Ngày Đáo Hạn: 28/02/2032

Lãi suất: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,0%/năm (ba phần trăm một năm)

Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

Kỳ trả lãi: Lãi được thanh toán sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi.

Lãi suất kỳ đầu tiên: 7,675%/năm.

Ngày trả lãi kỳ đầu tiên: Dự kiến vào ngày 28/08/2025

Mệnh giá: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 23.506.190 (Hai mươi ba triệu năm trăm linh sáu nghìn một trăm chín mươi) Trái Phiếu

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 2.350.619.000.000 VND (Hai nghìn ba trăm năm mươi tỷ sáu trăm mười chín triệu Đồng)

Để nắm rõ đầy đủ toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý Nhà Đầu Tư vui lòng xem nội dung tại Bản cáo bạch Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chào bán trái phiếu ra công chúng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 226/GCN-UBCK ngày 06/12/2024 và một số thông tin cơ bản của Trái Phiếu được niêm yết tại Mục V - “Trái phiếu niêm yết” của Bản Cáo Bạch này.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 71 050 000

Fax: (84 24) 62 885 678

Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Địa chỉ: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro về ngành.....	9
4. Rủi ro khác.....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	12
2. Tổ Chức Tư Vấn	12
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	27
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng	28
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	42
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	43
6. Hoạt động kinh doanh.....	44
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	71
8. Vị thế của Ngân hàng trong ngành	79
9. Chính sách đối với người lao động.....	83
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	86
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	88
12. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và kế toán trưởng	96
13. Tài sản.....	114
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	116

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	118
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	119
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết.....	120
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT	120
1. Tên Trái Phiếu	120
2. Loại Trái Phiếu	120
3. Tính chất Trái Phiếu	120
4. Mã Trái Phiếu	120
5. Mệnh giá	121
6. Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết dự kiến	121
7. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá dự kiến.....	121
8. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	121
9. Thời Hạn Trái Phiếu	121
10. Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại	121
11. Xếp hạng tín nhiệm.....	122
12. Mục đích phát hành Trái Phiếu.....	122
13. Nguồn thanh toán Trái Phiếu.....	123
14. Lãi suất	123
15. Kỳ trả lãi	124
16. Phương pháp tính giá.....	124
17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	127
18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết	129
19. Cam kết về bảo đảm	129
20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	129
21. Các loại thuế có liên quan.....	130
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	132
VII. PHỤ LỤC	133

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư (nếu có theo quy định của pháp luật) và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà Đầu Tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu. Những vấn đề khác và những rủi ro khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện chưa biết đến hoặc cho là không quan trọng và không được trình bày trong Bản Cáo Bạch cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

a. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất huy động, lãi suất cho vay thay đổi theo thị trường và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

SHB quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng quản lý tài sản nợ và tài sản có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM) hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

b. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với SHB.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn

cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của SHB và đòi hỏi SHB phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả, SHB đã xây dựng và duy trì hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc: (i) thiết lập môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp, (ii) hoạt động theo quy trình cấp tín dụng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận thực hiện, (iii) nhận diện, đo lường, giám sát rủi ro theo 3 tuyến bảo vệ đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Bên cạnh đó, SHB đang dần hoàn thiện hoạt động quản lý rủi ro tín dụng theo chuẩn mực quốc tế. Cụ thể, SHB đã triển khai nhiều dự án theo định hướng này như Dự án chuyển đổi Báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS, Dự án Quản trị rủi ro và tính vốn theo phương pháp nâng cao Internal Rating – Based approach – Basel (IRB). Kết quả của các dự án này sẽ bổ sung thêm các công cụ để quản lý rủi ro tín dụng của SHB, hỗ trợ việc đưa ra các quyết định kinh doanh trên cơ sở rủi ro một cách hiệu quả.

Các quy trình, chính sách, sản phẩm tín dụng trước khi ban hành đều được xem xét, đánh giá bởi 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo kiểm soát, ngăn chặn rủi ro tín dụng có tính hệ thống. Ngoài ra, hệ thống văn bản quản lý rủi ro tín dụng được rà soát, đánh giá định kỳ nhằm điều chỉnh để phù hợp với định hướng kinh doanh, thực tiễn hoạt động của Ngân hàng và các mục tiêu về quản trị rủi ro từng thời kỳ.

c. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi SHB có trạng thái ngoại tệ.

Để hạn chế rủi ro này, SHB đã thiết lập hệ thống hạn mức dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SHB và các quy định của NHNN, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Hạn mức trạng thái, Hạn mức giao dịch cấp cho một khách hàng, Hạn mức giao dịch viên, Hạn mức cắt lỗ, Hạn mức kỳ hạn, ... Trạng thái ngoại tệ được quản lý hàng ngày, đồng thời, chiến lược phòng ngừa rủi ro tỷ giá được SHB sử dụng linh hoạt thông qua các công cụ phái sinh như giao dịch hoán đổi, giao dịch kỳ hạn... và các công cụ khác nhằm hạn chế tối đa rủi ro ngoại hối, đảm bảo duy trì hạn mức đã thiết lập, phù hợp với khẩu vị rủi ro của SHB trong từng thời kỳ.

d. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do SHB không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao để thực hiện nghĩa vụ đó.

SHB đã ban hành và áp dụng các chỉ tiêu hạn mức rủi ro thanh khoản như: tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi (LDR – Loan deposit ratio), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, hạn mức dòng tiền ra ròng tối đa. Các hạn mức được đánh giá, rà soát

định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ. Công tác đo lường rủi ro thanh khoản được thực hiện thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số rủi ro thanh khoản như: Mô hình hành vi (Behavior), báo cáo Gap MCO (Maximum cumulative outflow), các tỷ lệ thanh khoản, đánh giá khả năng tiếp cận vốn trên thị trường...

Cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các Hội đồng/Phòng/Ban/Bộ phận liên quan trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản như Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Khối Kinh doanh vốn & thị trường tài chính, các khối kinh doanh, Ban ALM và Khối quản trị rủi ro, công tác theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản của SHB được thực hiện an toàn, hiệu quả đảm bảo khả năng chi trả hàng ngày và có dự phòng về nguồn vốn trong trường hợp khủng hoảng.

c. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với việc phát hành thư bảo lãnh, tín dụng thư (L/C) và các cam kết cấp tín dụng khác cho khách hàng. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết, SHB sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Khi đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như SHB.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2024/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính... Sau khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 được ban hành và có hiệu lực, Chính phủ và NHNN đã ban

hành một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện và dự kiến sẽ tiếp tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động của TCTD. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có KienlongBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục được hoàn thiện, hứa hẹn những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, SHB luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng, chú trọng an toàn pháp lý trong mọi quyết định về kinh doanh. Trong cơ cấu tổ chức bộ máy của SHB, luôn có các bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm đảm bảo SHB tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn: Đánh giá về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật và đề xuất thực hiện sửa đổi, bổ sung; hỗ trợ quá trình xây dựng, rà soát quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; thông báo về thay đổi, sự tác động của các quy định pháp luật liên quan, hỗ trợ/ xử lý vướng mắc về việc tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, SHB luôn sẵn sàng tham vấn ý kiến từ các tổ chức tư vấn độc lập, có uy tín trong nước và quốc tế để đảm bảo an toàn pháp lý, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro về ngành

Bên cạnh các rủi ro đặc thù đã đề cập ở trên, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Theo đó, SHB không chỉ chịu áp lực cạnh tranh với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối mà còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân khác, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và các công ty công nghệ tài chính (fin-tech). Ngành ngân hàng dần phải chia sẻ thị phần kinh doanh tiền tệ với các loại hình công ty mới. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và SHB nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít những rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

4. Rủi ro khác

Rủi ro liên quan tới Trái Phiếu

Trái Phiếu là Nợ Thứ Cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và không có bảo đảm. Quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm hiện tại và tương lai khác (không phải là chủ nợ thứ cấp) trong trường hợp SHB (đơn vị đi vay) bị thanh lý, phá sản hoặc giải thể.

Do đó, trong trường hợp SHB bị thanh lý, phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm hiện tại và tương lai khác của SHB. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của SHB.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được SHB mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại trước hạn, SHB vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- SHB được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của SHB bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì đảm bảo rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của SHB và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm SHB có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì đảm bảo rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

Việc thanh toán lãi đối với Trái Phiếu có thể bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật có yêu cầu. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rằng pháp luật có thể yêu cầu SHB thực hiện khấu trừ hoặc khấu lưu thuế từ khoản tiền đến hạn mà Ngân hàng phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Trái Phiếu.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà Đầu Tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SHB.

Trong năm 2025, căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông và chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine tiếp diễn có thể làm gián đoạn hoạt động thương mại; xu hướng bảo hộ thương mại đang gia tăng và có thể leo thang thành các cuộc chiến tranh thương mại; thách thức về chính sách tài khóa và rủi ro khủng hoảng nợ công có thể xảy ra tại một số quốc gia, đặc biệt là các quốc gia thu nhập thấp,...có thể tác động tiêu cực lên nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Tại SHB, việc chủ động xây dựng các phương án hoạt động kinh doanh và phương án tài chính cũng như nguồn lực cần thiết phù hợp theo những kịch bản khác nhau của nền kinh tế đã giúp Ngân hàng ứng phó tốt với những biến động thường xuyên của nền kinh tế. Các phương án được xây dựng chặt chẽ, chi tiết, linh hoạt và phù hợp theo các chỉ đạo của NHNN cũng như các cơ quan chủ quản khác đã giúp đảm bảo mọi hoạt động của Ngân hàng được duy trì ổn định, an toàn, liên tục. Các chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng đều đạt hoặc vượt so với kế hoạch đặt ra.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ

THẺ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này về các khoản tiền được liệt kê và tổng số tiền hoặc số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và tổng phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ông Đỗ Quang Hiền	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thu Hà	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Vân	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Phạm Hòa Bình	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch niêm yết Trái Phiếu (Bản Cáo Bạch) này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu số 01/2024/HĐTVTC.HS.SHS/SHB ngày 06/06/2024 ký kết với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “SHB”, “Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết”, “Ngân hàng”: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng Cổ đông
- “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- “NHTM”: Ngân hàng thương mại

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- **“HĐQT”**: Hội đồng Quản trị
- **“HĐTV”**: Hội đồng Thành viên
- **“BKS”**: Ban Kiểm soát
- **“BCTC”**: Báo cáo tài chính
- **“CASA”**: Tiền gửi không kỳ hạn
- **“CAR”**: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
- **CBNV**: Cán bộ nhân viên
- **“CCCD”**: Căn cước công dân
- **“CMND”**: Chứng minh nhân dân
- **“CNTT”**: Công nghệ Thông tin
- **“ĐVKD”**: Đơn vị Kinh doanh
- **“FTP”**: Hệ thống điều chuyển vốn nội bộ
- **“LNTT”**: Lợi nhuận trước thuế
- **“LNST”**: Lợi nhuận sau thuế
- **“HNX”**: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- **“HOSE”**: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- **“NIM”**: Biên lợi nhuận ròng
- **“NPL”**: Tỷ lệ nợ xấu
- **“TCTD”**: Tổ chức tín dụng
- **“TCKT”**: Tổ chức kinh tế
- **“TGD”**: Tổng Giám đốc
- **“TMCP”**: Thương mại Cổ phần
- **“TNHH”**: Trách nhiệm hữu hạn
- **“TTS”**: Tổng Tài sản
- **“UBCKNN”**: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- **“UPCOM”**: Sàn Giao dịch Chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết
- **“USD”**: Đồng đô la Mỹ
- **“VND”**: Đồng Việt Nam;
- **“VSDC”**: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- **“VCSH”**: Vốn chủ sở hữu
- **“PGD”**: Phòng Giao Dịch

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tên đầy đủ bằng tiếng việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Tên viết tắt: SAHABANK

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank

Mã cổ phiếu: SHB

Sàn niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



Logo:

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Vốn điều lệ đăng ký: 40.657.470.020.000 VND (theo Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 08/04/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội)

Vốn điều lệ thực góp: 40.657.470.020.000 VND

Trụ sở chính: Số 77, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 39423388

Fax: (84 24) 39410844

Website: www.shb.com.vn

Mã số thuế: 1800278630

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 02/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 115/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/11/2018, được sửa đổi bởi Quyết định số 1321/QĐ-NHNN ngày 11/08/2021 và Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 08/04/2025.

(Theo Quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Các TCTD có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu Hà - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64

Các lĩnh vực hoạt động:

• **Huy động vốn:**

- Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các TCTD khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

• **Hoạt động tín dụng:**

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức cho vay, chiết khấu/tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.

• **Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:**

- Cung ứng các phương tiện thanh toán.
- Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.
- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước.

• **Các hoạt động khác:**

- Tham gia thị trường tiền tệ: đấu thầu tín phiếu Kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm: ngoại hối, phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- Nghiệp vụ ủy thác và đại lý: Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN; được ủy thác và nhận ủy thác cho vay theo quy định của NHNN.
- Kinh doanh bất động sản: Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:
 - Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
 - Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
 - Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc

mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với Ngân hàng.

- Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng:
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ môi giới tiền tệ, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán trái phiếu với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; mua trái phiếu với mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN.
 - Hoạt động mua nợ.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP ngày 13/11/1993 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhon Ái. Ngày 30/11/2018, NHNN đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN cho SHB, thay thế cho Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP ngày 13/11/1993.

Ngân hàng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993, thay đổi lần thứ 35 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/07/2024.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13/11/1993.

Sau hơn 31 năm hoạt động, SHB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt 40.657.470.020.000 VND. Theo số liệu hợp nhất, tại ngày 31/03/2025, Ngân hàng có 01 Trụ sở chính, 63 Chi nhánh, 230 Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Ngân hàng có 03 công ty con, 01 công ty liên kết. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31/03/2025 là 6.703 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm	Thành lập & Phát triển
1993	Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhon Ái - tiền thân của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) được thành lập vào ngày 13/11/1993 tại Cần Thơ.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Năm	Thành lập & Phát triển
2006	Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký Quyết định số 93/QĐ-NHNN về việc chấp thuận cho SHB chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn sang Ngân hàng Thương mại Cổ phần đô thị, từ đó tạo được thuận lợi cho SHB có điều kiện nâng cao năng lực về tài chính, mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đủ sức cạnh tranh và phát triển, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của SHB và đây là Ngân hàng TMCP đô thị đầu tiên có trụ sở chính tại Thành phố Cần Thơ, trung tâm tài chính - tiền tệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cũng trong năm 2006, Ngân hàng chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).
2007	SHB tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND.
2008	SHB chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra Thủ đô Hà Nội, tại số 77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2009	Chính thức niêm yết 200 triệu cổ phiếu SHB trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
2010	SHB phát hành thành công 150 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 3.497,5 tỷ VND và chính thức triển khai hệ thống CoreBanking mới.
2011	SHB chuyển đổi thành công 1.500 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi để nâng vốn điều lệ lên 4.815,8 tỷ VND và vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2012	SHB thực hiện sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) đồng thời mở chi nhánh nước ngoài tại Campuchia và Lào.
2013	SHB kỷ niệm 20 năm ngày thành lập và vinh dự đón nhận Huân chương lao động Hạng nhì của Chủ tịch nước ghi nhận những đóng góp của SHB đối với ngành ngân hàng nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung.
2015	SHB tăng vốn điều lệ lên gần 9.500 tỷ VND, chính thức khai trương ngân hàng con 100% vốn tại Lào. Với kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, an toàn, SHB tiếp tục nhận được nhiều danh hiệu, cờ thi đua, giải thưởng do NHNN và các cơ quan, đơn vị trao tặng.
2016	SHB tăng vốn điều lệ lên 11.197 tỷ VND, mạng lưới tăng lên gần 500 điểm giao dịch trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, SHB nhận sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF), tiến tới thành lập Công ty tài chính TNHH MTV

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Năm	Thành lập & Phát triển
	SHB (SHB FC), mở rộng cơ hội kinh doanh trên thị trường bán lẻ cho SHB. SHB khai trương Ngân hàng con 100% vốn tại Campuchia, thể hiện những nỗ lực vượt bậc của SHB sau thời gian kinh doanh tại thị trường này ở cấp độ chi nhánh.
2017	SHB tăng vốn điều lệ lên 12.036 tỷ VND, nâng cao năng lực tài chính. Đồng thời, SHB được chấp thuận mở văn phòng đại diện tại Cộng hòa liên bang Myanmar. Đây cũng là bước tiến quan trọng của SHB khi không chỉ có mặt tại bán đảo Đông Dương mà còn vươn ra khu vực Đông Nam Á.
2018	SHB kỷ niệm 25 năm thành lập và phát triển, vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng Nhì lần thứ 2 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng, khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam.
2020	SHB tăng vốn điều lệ lên 17.510 tỷ VND. SHB phấn đấu trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam và là Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế.
2021	SHB tăng vốn điều lệ lên 26.674 tỷ VND; mua lại trước hạn và không còn Trái phiếu đặc biệt VAMC, nâng cao chất lượng tài sản; chuyển giao dịch cổ phiếu từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), mang lại sức mạnh cộng hưởng, mở ra những động lực tăng trưởng mới; hoạt động hiện đại hóa ngân hàng và chuyển đổi số toàn diện đã đạt được những thành công bước đầu. SHB đồng thời tạo ra cú hích lớn với nhà đầu tư, điểm nhấn trên thị trường M&A khi ký thỏa thuận thoái 100% vốn tại SHB Finance cho Ngân hàng Krungsri - Thái Lan trong vòng 3 năm; trở thành thương vụ M&A với giá trị cao thứ 2 trong các thương vụ mua bán công ty tài chính tiêu dùng trên thị trường, đem lại nguồn thặng dư vốn đáng kể cho cổ đông của SHB cũng như nâng cao năng lực tài chính và vị thế của SHB.
2022	SHB tăng vốn điều lệ lên 30.674 tỷ VND.
2023	SHB tăng vốn điều lệ lên 36.194 tỷ VND. Cổ phiếu SHB được lựa chọn vào chỉ số VN30.
2024	SHB tăng vốn điều lệ lên 36.629 tỷ VND, duy trì vị trí Top 5 Ngân hàng TMCP tư nhân có vốn điều lệ lớn nhất. Kết thúc năm 2024, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của SHB đạt 11.569 tỷ VND, tăng 25,2% so với năm 2023. Tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng thu nhập hoạt động (CIR)

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Năm	Thành lập & Phát triển
	ở mức 24,4% – nhóm thấp nhất toàn ngành nhờ thúc đẩy số hóa quy trình và ứng dụng công nghệ vào hoạt động, dịch vụ, sản phẩm trên toàn hệ thống. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 21,4%, duy trì hiệu quả sinh lời nhóm đầu ngành.
2025	SHB hoàn thành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ thực góp lên gần 40.658 tỷ VND, giữ vững vị thế Top 5 Ngân hàng TMCP tư nhân có vốn điều lệ lớn nhất.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Ngân hàng được thành lập năm 1993 với vốn điều lệ là 400 triệu VND. Trải qua các lần tăng vốn, Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ lên 40.657.470.020.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn của SHB được trình bày dưới đây:

Bảng 1: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	1993			400.000.000	Thành lập	- Giấy phép hoạt động số 0041 NH/GP ngày 13/11/1993 của NHNN - Giấy ĐKKD 063912 do Trọng tài Kinh tế tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993
2	1995	600.000.000	600	1.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Giấy ĐKKD số 063912 do Ủy ban Kế hoạch tỉnh Cần Thơ cấp lần thay đổi lần 01 ngày 09/11/1995
3	1996	2.000.000.000	2.000	3.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 259/CV-NH5 ngày 03/05/1996 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai (tiền thân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội) - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 02 ngày 15/5/1996
4	1999	2.000.000.000	2.000	5.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 273/CV-NH5 ngày 03/05/1999 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 03 ngày 27/5/1999
5	2002	3.500.000.000	3.500	8.500.000.000	Phát hành	- Văn bản số 166/2022.TH ngày 23/08/2002 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 04 ngày 19/9/2002

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
6	2004	3.500.000.000	3.500	12.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 17/NHNN.CTH2 ngày 23/08/2002 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 7 ngày 23/2/2004
7	2005	58.329.000.000	583.290	70.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Biên bản ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2005 ngày 04/07/2005 - Văn bản số 52/CTH7 ngày 18/7/2005 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai tăng vốn điều lệ - Tờ trình số 185/TTr/NHNA-2005 ngày 24/8/2005 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ - Văn bản số 64/CTH7 ngày 24/08/2005 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 8 ngày 29/8/2005
8	02/2006	48.000.000.000	480.000	118.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Văn bản số 07/NHNA-2006 ngày 07/02/2006 thông báo kết quả biểu quyết bằng văn bản xin tăng vốn điều lệ - Văn bản số 11/CTH7 ngày 13/2/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai tăng vốn điều lệ - Tờ trình số 06/TTr/NHNA-2006 ngày 20/2/2006 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ - Văn bản số 12/CTH7 ngày 22/02/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 9 ngày 27/02/2006
9	03/2006	12.000.000.000	120.000	130.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ	- Văn bản số 07/NHNA-2006 ngày 07/02/2006 thông báo kết quả biểu quyết bằng văn bản xin tăng vốn điều lệ - Văn bản số 11/CTH7 ngày 13/2/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ai tăng vốn điều lệ

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					sung vốn điều lệ	- Tờ trình số 19/TT/NHNA-2006 ngày 06/03/2006 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ái về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ - Văn bản số 15/CTH7 ngày 07/03/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 10 ngày 15/03/2006
10	06/2006	171.600.000.000	1.716.000	301.929.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Biên bản họp ĐHCĐ thường niên số 06/ĐHCĐ-2006 ngày 10/3/2006 - Văn bản số 53/CTH7 ngày 14/06/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nhon Ái tăng vốn điều lệ - Tờ trình số 029/TT/HĐQT.2006 ngày 22/06/2006 của Ngân hàng TMCP Nhon Ái về việc xin chuẩn y vốn điều lệ - Văn bản số 58/CTH7 ngày 30/06/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 12 ngày 15/09/2006
11	12/2006	198.071.000.000	1.980.710	500.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Biên bản họp ĐHCĐ thường niên số 06/ĐHCĐ-2006 ngày 10/3/2006 - Văn bản số 100/CTH7 ngày 27/11/2006 của NHNN về việc chấp thuận thay đổi vốn điều lệ - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 13 ngày 26/12/2006
12	2007	1.500.000.000.000	150.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đồng chiến lược và cán bộ nhân viên	- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 16/07/2007 của Đại hội đồng cổ đông - Văn bản số 77/CTH7 ngày 14/08/2007 của NHNN về việc chấp thuận cho SHB thay đổi vốn Điều lệ trong năm tài chính 2007. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 187/UBCK-GCN ngày 08/10/2007 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 14 ngày 28/12/2007

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
13	2010	1.497.519.070.000	149.751.907	3.497.519.070.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đồng chiến lược và cán bộ nhân viên	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/11/2009 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/07/2010 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2010 - Công văn số 472/QĐ-NHNN ngày 31/03/2010 của Thống đốc NHNN về việc chấp thuận cho SHB được phát hành cổ phiếu - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 578/UBCK-GCN ngày 03/06/2010 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 17 ngày 20/10/2010
14	2011	1.318.276.400.000	131.827.640	4.815.795.470.000	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/07/2010 - Công văn số 79/NHNN-TTGSNH ngày 06/01/2011 của NHNN - Giấy chứng nhận chào bán trái phiếu chuyển đổi số 488/UBCK-GCN ngày 31/12/2009 của UBCKNN - Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi số 80/HĐQT ngày 12/05/2011 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 18 ngày 17/05/2011
15	2012	4.050.000.000.000	405.000.000	8.865.795.470.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội để sáp nhập	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2012 - Quyết định số 1559 ngày 07/08/2012 của NHNN về việc chấp thuận giao dịch sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 27/UBCK-GCN ngày 18/7/2012 của UBCKNN - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 166/HĐQT ngày 28/8/2012 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 21 ngày 29/10/2012

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
16	2015	620.149.140.000	62.014.914	9.485.944.610.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 của ĐHĐCĐ - Công văn số 5420/NHNN-TTGSNH ngày 17/07/2015 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của SHB. - Công văn số 4650/UBCK-QLPH ngày 24/07/2015 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 24 ngày 03/06/2016
17	2016	710.946.390.000	71.094.639	10.196.891.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/HĐQT ngày 06/04/2016 của HĐQT và Phương án tăng vốn điều lệ ngày 06/04/2016 - Công văn số 9609/NHNN-TTGSNH ngày 16/12/2016 của NHNN - Công văn số 8381/UBCK-QLCB ngày 19/12/2016 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 25 ngày 01/03/2017
18	2017	1.000.000.000.000	100.000.000	11.196.891.000.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel để sáp nhập	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/HĐQT ngày 06/04/2016 của HĐQT và Phương án tăng vốn điều lệ ngày 06/04/2016 - Quyết định số 2400/QĐ-NHNN ngày 12/12/2016 của NHNN về việc sáp nhập Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu để hoán đổi số 63/GCN-UBCK của UBCKNN cấp. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 25 ngày 01/03/2017
19	2018	839.270.100.000	83.927.010	12.036.161.100.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/HĐQT ngày 14/04/2017 của HĐQT - Công văn số 350/NHNN-TTGSNH.m ngày 26/04/2017 của NHNN - Công văn số 6353/UBCK-QLCB ngày 22/09/2017 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 26 ngày 16/05/2018
20	2020	5.473.929.840.000	547.392.984	17.510.090.940.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 11/04/2019 của HĐQT SHB và Phương án tăng vốn điều lệ ngày 11/04/2019 - Công văn số 9693/NHNN-TTGSNH ngày 11/12/2019 của NHNN - Công văn số 10184/NHNN-TTGSNH ngày 27/12/2019 của NHNN - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 156/GCN-UBCK ngày 31/12/2019 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 27 ngày 11/3/2021
21	05/2021	1.750.397.430.000	175.039.743	19.260.488.370.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2020 của ĐHĐCĐ - Tờ trình số 01/HĐQT ngày 04/06/2020 của HĐQT - Công văn số 2514/NHNN-TTGSNH ngày 15/04/2021 của NHNN - Công văn số 1508/UBCK-QLCB ngày 20/04/2021 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 28 ngày 09/06/2021
22	11/2021	7.413.209.620.000	741.320.962	26.673.697.990.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 của ĐHĐCĐ - Công văn số 6662/NHNN-TTGSNH ngày 17/09/2021 của NHNN - Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 252/GCN-UBCK ngày 02/11/2021 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 31 ngày 12/08/2022
23	2022	4.000.133.970.000	400.013.397	30.673.831.960.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022 của ĐHĐCĐ - Công văn số 7102/NHNN-TTGSNH ngày 10/10/2022 của NHNN - Công văn số 7265/UBCK-QLCB ngày 02/11/2022 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 32 ngày 17/01/2023

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
25	2023	5.520.149.170.000	552.014.917	36.193.981.130.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2023 của ĐHĐCĐ - Công văn số 4629/NHNN-TTGSNH ngày 15/06/2023 của NHNN - Công văn số 4201/UBCK-QLCB ngày 30/06/2023 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 34 ngày 20/09/2023
26	2024	435.104.290.000	43.510.429	36.629.085.420.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2023 của ĐHĐCĐ - Công văn số 4629/NHNN-TTGSNH ngày 15/06/2023 của NHNN - Công văn số 9409/UBCK-QLCB ngày 29/12/2023 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 35 ngày 02/07/2024
27	2025	4.028.384.600.000	402.838.460	40.657.470.020.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của ĐHĐCĐ - Công văn số 10678/NHNN-TTGSNH ngày 30/12/2024 của NHNN - Công văn số 187/UBCK-QLCB ngày 12/03/2025 của UBCKNN - Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 08/04/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Nguồn: SHB

2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

Cơ cấu tổ chức của SHB như sau:

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của SHB

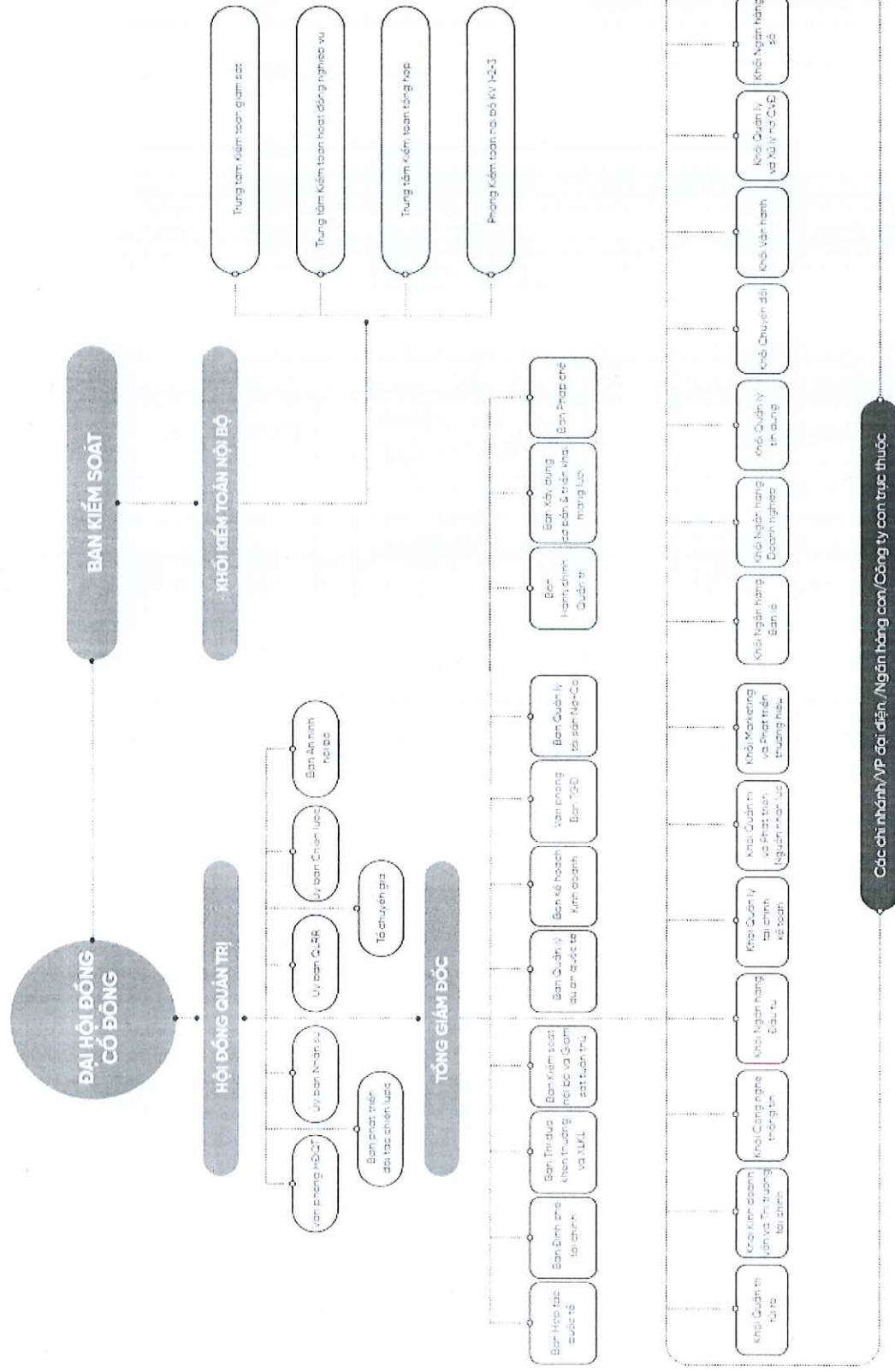


Mô hình tổ chức Ngân hàng SHB bao gồm ngân hàng mẹ và các ngân hàng con, các công ty con, các chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch. Tại Trụ sở chính của Ngân hàng có các Khối/Trung tâm thuộc sự điều hành của Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối/Trung tâm. Mỗi Khối/Trung tâm chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ khách hàng.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của SHB



▪ **Đại Hội Đồng Cổ Đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của SHB, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ của Ngân hàng và pháp luật có liên quan;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập Công ty con;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc; cổ đông lớn; người có liên quan của Người

quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;

- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- ĐHĐCD có thể ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHĐCD phù hợp với Điều lệ Ngân hàng và các quy định của Pháp luật. Các nội dung ủy quyền phải được ghi cụ thể trong các Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến của ĐHĐCD.

▪ **Hội Đồng Quản Trị**

HĐQT là cơ quan quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Ngân hàng. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCD trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Trình ĐHĐCD quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
- Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng HĐQT và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác;
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật các TCTD về giới hạn cấp tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCD quy định tại Điều lệ Ngân hàng;

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ của Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo thường niên;
- Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;
- Trình Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng;
- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Thông báo kịp thời cho NHNN những thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc;
- HĐQT được sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- HĐQT quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng từng thời kỳ
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật;

- Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT quyết định và thực hiện một hoặc một số các nhiệm vụ nêu tại Điều lệ. Các vấn đề ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ tịch và các thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người không phải là thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
- Những vấn đề sau phải được HĐQT thông qua và không được áp dụng cơ chế ủy quyền quy định tại Điều lệ:
 - Việc đình chỉ và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của Ngân hàng
 - Các khoản đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% kế hoạch tài chính ghi trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính được ĐHĐCĐ thông qua.

▪ **Ban Kiểm Soát**

BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, có trách nhiệm như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Pháp luật và ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;
- Chịu trách về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Chỉ đạo, điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng;
- Định kỳ thông báo HĐQT, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, Điều lệ hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Ngân hàng;
- Định kỳ hàng năm, BKS phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho HĐQT, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch HĐQT;
- Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước;
- Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và của pháp luật (nếu có)

▪ Tổng Giám đốc

HĐQT bổ nhiệm một trong các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng;
 - Trình HĐQT đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng vượt quá thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc đề HĐQT xem xét, quyết định hoặc trình ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ;
 - Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
 - Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
 - Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
 - Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
 - Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT;
 - Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
 - Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;
 - Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;
 - Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- **Văn phòng HĐQT và các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
- **Khối Kinh doanh vốn và Thị trường tài chính**
- Tham mưu cho Ban điều hành và thực hiện chính sách quản lý nguồn vốn tập trung, điều hành thanh khoản, lãi suất, tỷ giá, hoạt động kinh doanh tiền tệ, ngoại hối của toàn hệ thống SHB.

- Cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, điều hòa và quản lý khả năng thanh khoản, khả năng chi trả của toàn Ngân hàng.
- Thực hiện giao dịch kinh doanh nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh và đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, kinh doanh và cung ứng các sản phẩm phái sinh lãi suất, phái sinh hàng hóa và tiền tệ.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.
- **Khối Ngân hàng Doanh nghiệp**
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về chiến lược, định hướng phát triển KHDN nhằm mục tiêu kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ.
 - Quản lý và điều hành trực tiếp, triển khai hoạt động kinh doanh mảng KHDN trên toàn hệ thống SHB
 - Nghiên cứu thị trường, thực hiện các phân tích đề tư vấn, tham mưu về chiến lược tổng thể cho phân khúc khách hàng mục tiêu của mảng KHDN.
 - Nghiên cứu, xây dựng và quản lý hệ thống chính sách, phát triển sản phẩm, dịch vụ dành cho KHDN.
 - Quản lý, hỗ trợ, giám sát hiệu quả triển khai chính sách, sản phẩm, dịch vụ dành cho KHDN trên toàn hệ thống.
 - Quản trị hiệu quả danh mục KHDN trên toàn hệ thống, giám sát kết quả thực hiện kế hoạch thông qua đánh giá các chỉ tiêu theo khách hàng bao gồm chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính.
 - Xây dựng và quản lý các chiến dịch bán hàng triển khai đồng bộ qua các kênh bán để thúc đẩy hoạt động phát triển kinh doanh mảng KHDN.
- **Khối Ngân hàng Bán lẻ**
 - Tham mưu giúp việc cho Ban Điều hành kinh doanh, Tổng Giám đốc, HĐQT trong công tác xây dựng chiến lược, định hướng phát triển KHCN nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ.
 - Trực tiếp quản lý, điều hành và triển khai hoạt động quản trị danh mục, am hiểu khách hàng, thiết kế sản phẩm/tiêu chuẩn dịch vụ và phát triển kinh doanh mảng KHCN trên toàn hệ thống SHB theo chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh được phê duyệt theo từng thời kỳ.
 - Thực thi các hoạt động nâng cao năng lực bán hàng, giám sát tuân thủ và chất lượng dịch vụ thuộc tuyến một để bảo đảm hiệu quả hoạt động kinh doanh KHCN.
 - Nghiên cứu, phân tích đề tư vấn, tham mưu về chiến lược tổng thể cho phân khúc khách hàng mục tiêu của mảng KHCN.

- Nghiên cứu, xây dựng và quản lý hệ thống chính sách, phát triển sản phẩm, chính sách dịch vụ, tiêu chuẩn dịch vụ và trải nghiệm khách hàng dành cho KHCN theo hướng quản trị theo danh mục khách hàng và từng bước tập trung hóa.
 - Quản lý, hỗ trợ, giám sát hiệu quả công tác triển khai chính sách, sản phẩm, dịch vụ dành cho KHCN trên toàn hệ thống.
 - Quản trị hiệu quả danh mục KHCN trên toàn hệ thống, giám sát kết quả thực hiện kế hoạch thông qua đánh giá các chỉ tiêu theo khách hàng bao gồm chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính.
 - Tham gia các sáng kiến chiến lược của ngân hàng để xây dựng chiến lược tổng thể và xác định lộ trình kế hoạch phát triển kinh doanh đa kênh của mạng KHCN. Tổ chức triển khai mô hình tổ chức bán hàng trong từng kênh và thực hiện đo lường, quản trị hiệu quả kênh, quản lý hiệu suất bán hàng tại các kênh theo chiến lược tổng thể được phê duyệt.
 - Xây dựng và quản lý các chiến dịch bán hàng triển khai đồng bộ qua các kênh bán để thúc đẩy hoạt động phát triển kinh doanh mạng KHCN tại các Vùng/Đơn vị kinh doanh.
 - Cùng các khối chuyên môn (QTRR, Quản lý tín dụng, Khối Vận hành...) xây dựng mô hình quản lý cho vay hiệu quả, chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ và scoring để đáp ứng phê duyệt cho vay, xử lý nghiệp vụ quản lý tín dụng với số lượng lớn, đảm bảo tuân thủ và quản trị rủi ro tín dụng.
 - Định hướng chuẩn hóa năng lực bán hàng, quản trị dịch vụ và tuân thủ của lực lượng kinh doanh bán lẻ.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.
- **Khối Vận hành**
- Tổ chức, triển khai, quản lý và/hoặc xử lý tập trung các giao dịch của nghiệp vụ Vận hành bao gồm các dịch vụ thanh toán (thẻ, thanh toán quốc tế, thanh toán trong nước) và các dịch vụ khách hàng tại quầy (tiền gửi, tiết kiệm, ngân quỹ ...)
 - Hỗ trợ khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ của SHB qua các kênh: Hotline, fanpage, email, zalo, chat,...
 - Cải tiến quy trình nghiệp vụ, quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ vận hành tại SHB.
- **Khối Quản trị và Phát triển Nguồn Nhân lực**
- Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các Khối trong công tác xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; hệ thống chính sách văn bản quản trị nguồn nhân lực; hướng dẫn, đào tạo và hỗ trợ hệ thống nhân sự ngành dọc tại Hội sở chính và các ĐVKD.
 - Tổ chức triển khai và giám sát công tác nhân sự trong toàn hệ thống SHB; cung cấp các dịch vụ quản trị nhân sự chất lượng cao nhằm xây dựng, bồi đắp và phát triển đội ngũ Người lãnh đạo (NLĐ) SHB chuyên nghiệp, có trình độ để từ đó hoàn thành các chiến lược, kế hoạch kinh doanh của SHB trong từng giai đoạn, thời kỳ.

- Hoạch định và tạo nguồn nhân lực trong các giai đoạn trung hạn (3 – 5 năm) và hằng năm đảm bảo đủ nguồn nhân sự về số lượng và chất lượng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và đơn vị.
 - Xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống khung chính sách, quy định, quy trình về quản trị nhân sự trên toàn hệ thống SHB khoa học, hiệu quả.
 - Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đảm bảo NLD được trang bị kỹ năng nghiệp vụ, trình độ chuyên môn cần thiết để hoàn thành công việc được giao; tạo điều kiện để NLD phát huy tối đa năng lực cá nhân nhằm thích ứng với nhu cầu và định hướng phát triển, chiến lược kinh doanh của SHB từng thời kỳ.
 - Giữ gìn và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực để nâng cao động lực và mức độ gắn kết của NLD, giúp NLD yên tâm làm việc, nâng cao năng suất lao động, duy trì tính ổn định và hiệu quả của nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh.
 - Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực thi kế hoạch, chính sách, quy định nhân sự tại các đơn vị trong SHB đảm bảo đúng quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.
- **Khối Marketing và Phát triển thương hiệu**
- Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị trong việc định hướng chiến lược Marketing, hoạch định kế hoạch quản lý/phát triển thương hiệu và truyền thông trên toàn hệ thống SHB trung và dài hạn.
 - Quản lý điều hành, tổ chức triển khai hoạt động Marketing, thương hiệu, truyền thông phù hợp theo từng giai đoạn, đảm bảo bám sát đúng mục tiêu, chiến lược của Ngân hàng.
 - Định kỳ/đột xuất tổ chức rà soát/đánh giá thực trạng/tồn tại (điểm mạnh/hạn chế) trong công tác truyền thông, thương hiệu, marketing tại SHB; Nghiên cứu xu thế thị trường trong/ngoài nước, tìm hiểu, học hỏi, so sánh đối thủ cạnh tranh, từ đó đề xuất kế hoạch hành động và các giải pháp triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, bám sát mục tiêu của ngân hàng đã đề ra.
 - Đầu mối xây dựng ban hành: chính sách, quy định, quy trình công cụ hướng dẫn, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện ... đối với hoạt động truyền thông, thương hiệu marketing trên toàn hệ thống đảm bảo chặt chẽ, nhất quán và tối ưu hiệu quả.
 - Bám sát định hướng chiến lược của ngân hàng, chủ động đề xuất các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm phát triển truyền thông SHB theo hướng đúng, trúng và tiên phong.
 - Đo lường, nhận định rủi ro, nhạy bén với các diễn biến của thị trường và xu thế chung, để luôn sẵn sàng kịch bản ứng phó, giảm thiểu rủi ro, tăng cường truyền thông tin tích cực về thương hiệu, các thông tin liên quan cổ phần, cổ phiếu.
 - Xây dựng đề xuất kế hoạch ngân sách và quản lý việc sử dụng ngân sách các hoạt động marketing, truyền thông, thương hiệu đảm bảo chi phí sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

- Trực tiếp tổ chức triển khai hoạt động/chương trình truyền thông, thương hiệu, marketing tại Trụ sở chính; Phối hợp, hướng dẫn thực hiện đối với các chương trình truyền thông, thương hiệu, marketing theo đề xuất của Khối/Ban/Trung tâm/ĐVKD.
- Giám sát đảm bảo các hoạt động truyền thông, thương hiệu marketing trên toàn hệ thống có tính thống nhất, nhất quán theo định hướng chung của SHB.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.
- **Khối Quản lý và Xử lý nợ có vấn đề**
 - Quản lý nghiệp vụ quản lý và xử lý nợ rủi ro, nợ có vấn đề; hướng dẫn, giám sát ĐVKD trong công tác quản lý và xử lý nợ rủi ro, nợ có vấn đề:
 - Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình, hướng dẫn, tiêu chí, tiêu chuẩn, biểu mẫu liên quan đến nghiệp vụ quản lý và xử lý nợ rủi ro, nợ có vấn đề tại SHB, trình cấp thẩm quyền phê duyệt;
 - Đề xuất các chỉ tiêu, kế hoạch xử lý, thu hồi nợ rủi ro, nợ có vấn đề;
 - Hướng dẫn, đôn đốc, giám sát ĐVKD thực hiện và phối hợp quản lý, xử lý thu hồi các Khoản nợ thuộc phân luồng ĐVKD quản lý;
 - Giám sát, theo dõi và thông báo tình trạng các khoản nợ rủi ro, nợ có vấn đề đến các đơn vị liên quan để đưa ra phương án quản lý, XLN phù hợp;
 - Đào tạo nghiệp vụ quản lý và xử lý nợ rủi ro, nợ có vấn đề, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật, quy định của SHB liên quan đến các nghiệp vụ thu hồi nợ đến các cá nhân, đơn vị trong hệ thống SHB.
 - Tham mưu cho HĐQT, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng mua, bán nợ, Ban chỉ đạo xử lý nợ (XLN), TGD và các cấp có thẩm quyền khác tại SHB các giải pháp nhằm ngăn chặn, phòng ngừa, khắc phục rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng thông qua công tác quản lý và xử lý nợ rủi ro, nợ có vấn đề.
 - Kịp thời báo cáo những phát hiện về rủi ro, gian lận, tiêu cực trong hoạt động cấp tín dụng, hoạt động quản lý và xử lý nợ;
 - Đề xuất biện pháp, giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và các chế tài xử lý với các hành vi vi phạm phát sinh trong hoạt động cấp tín dụng, hoạt động quản lý và xử lý nợ
 - Trực tiếp xử lý nợ rủi ro, nợ có vấn đề được giao.
 - Tiếp nhận các Khoản nợ rủi ro, nợ có vấn đề do ĐVKD chuyển giao; thực hiện phân luồng nghiệp vụ xử lý nợ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phê duyệt;
 - Thực hiện phương án bán nợ và hoặc phương án XLN khác để thu hồi nợ
- **Khối Quản trị rủi ro**
 - Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị trong công tác quản lý các rủi ro trọng yếu, đánh giá mức độ đủ vốn, tư vấn pháp lý, phòng chống rửa tiền và tài trợ

khủng bố. Các rủi ro trọng yếu bao gồm: Rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ hoạt động trọng yếu.

- Xây dựng và triển khai hệ thống chính sách quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ mức đủ vốn, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố nhằm thực thi chiến lược quản trị rủi ro của HĐQT.
- Nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro, phối hợp với các đơn vị kinh doanh trong việc xây dựng, triển khai, giám sát tuân thủ hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro, đảm bảo các hoạt động kinh doanh trong hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro được phê duyệt;
- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành, các cấp lãnh đạo về các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản trị, điều hành và đưa ra giải pháp pháp lý phù hợp cho các ĐVKD, các đơn vị nghiệp vụ để giúp hoạt động kinh doanh được an toàn pháp lý, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp cho SHB;
- Cung cấp, phân tích thông tin và hỗ trợ đưa ra các quyết định kinh doanh có tính đến rủi ro, triển khai các báo cáo về quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ mức đủ vốn, kết quả thực hiện công tác phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác, nhà đầu tư
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

▪ **Khối Ngân hàng số**

- Tham mưu xây dựng chiến lược chuyển đổi số tại SHB và giúp việc cho Tổng giám đốc quản lý, điều hành, triển khai, thực thi chiến lược chuyển đổi số đã được HĐQT phê duyệt.
- Xây dựng lộ trình chuyển đổi số dành cho KHCN và KHDN tại SHB để thực hiện các mục tiêu, khát vọng trong ngắn, trung và dài hạn của HĐQT, phù hợp với nguồn lực đầu tư.
- Xây dựng, gia tăng năng lực nội bộ về chuyển đổi số cho SHB
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm và định kỳ của Khối trên cơ sở phù hợp với kế hoạch, định hướng kinh doanh chung của Ngân hàng và chiến lược, lộ trình chuyển đổi số của SHB.
- Lập kế hoạch, xây dựng và đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai số hóa các trải nghiệm dành cho KHCN và KHDN tại SHB.
- Xây dựng năng lực nội bộ về chuyển đổi số (đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng của các nhân sự) thông qua các hoạt động sau:
 - Áp dụng phương thức tiếp cận dựa trên hành trình của khách hàng để thiết kế và mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng
 - Tối ưu tư duy thiết kế để xây dựng các trải nghiệm khách hàng mới dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc về khách hàng và khởi đầu từ con số 0 (zero – base).

- Triển khai phương pháp luận Agile để tăng tốc độ đưa ra giao phẩm, từ đó tạo ra giá trị sớm hơn cho SHB và khách hàng, bao gồm các kỹ năng và năng lực mới (Ví dụ như Product Owner, Scrum Master, UI/UX, Change Management, Data...).
- Đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu (Data – based decision making). Các quyết định của các nhóm triển khai (Squad) được căn cứ vào kết quả phân tích dữ liệu để tối ưu trải nghiệm khách hàng và hiệu quả kinh doanh.
- Xác định các định vị giá trị số, mô hình kinh doanh các sản phẩm dịch vụ số, từ đó triển khai hoạt động marketing số, kinh doanh số, phát triển đối tác qua kênh số để gia tăng nguồn lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh của khối Ngân hàng số.
- Nghiên cứu, đề xuất và xây dựng các quy định, chính sách để xây dựng, triển khai, quản lý các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số.
- **Khối Công nghệ thông tin**
 - Vận hành và khai thác các phần mềm ứng dụng Corebanking.
 - Vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin.
 - Phân tích, khai thác và mô tả các yêu cầu về xây dựng, liên kết, hợp tác các ứng dụng phần mềm trong và ngoài hệ thống SHB, đối với các đối tác nội bộ và bên ngoài.
 - Công tác quản trị mạng, dịch vụ hệ thống mạng, an toàn và bảo mật thông tin.
 - Đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống mạng toàn hệ thống.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.
- **Khối Ngân hàng Đầu tư**
 - Thực hiện hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.
 - Xây dựng kế hoạch và chương trình hành động hàng năm để đảm bảo thực hiện đúng chiến lược kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp do Ban điều hành giao.
 - Hỗ trợ tư vấn nghiệp vụ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho Đơn vị kinh doanh (ĐVKD).
 - Tham gia quản trị, quản lý doanh nghiệp nhận góp vốn theo đề cử của Ngân hàng
 - Hỗ trợ Đơn vị kinh doanh định giá cổ phiếu để cấp tín dụng cho khách hàng
 - Hỗ trợ Khối Khách hàng doanh nghiệp/Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn & Định chế tài chính liên quan đến các dự án (trong phạm vi nghiệp vụ Phòng Đầu tư) như: xây dựng chính sách, quy định, quy trình đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ liên quan đến chứng khoán.
 - Tham mưu xây dựng các phương án mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp mà SHB tham gia.
- **Khối Kiểm toán nội bộ**

- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống KSNB; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong TCTD; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
 - Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với TSC, ĐVKD và đơn vị khác trong hệ thống SHB;
 - Xây dựng, rà soát đề trình BKS ban hành, sửa đổi, bổ sung Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Kiểm toán viên nội bộ, các quy định nội bộ của BKS về KTNB, Kế hoạch KTNB;
 - Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGD SHB và các cá nhân, bộ phận có liên quan;
 - Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các Cơ quan chức năng khác đối với KTNB;
 - Lập Báo cáo về KTNB theo quy định của NHNN.
- **Khối Chuyển đổi**
- Nghiên cứu, phân tích thông tin, dữ liệu, tình hình nội tại, thông lệ, mô hình kinh tế để đưa ra đề xuất chiến lược cho toàn ngân hàng dựa trên định hướng của Ủy Ban Chiến lược và Hội đồng Quản trị;
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc, Ủy Ban Chiến lược và Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng, phát triển và quản lý kiến trúc tổ chức cho toàn ngân hàng;
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc, Ủy Ban Chiến lược và Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu;
 - Phối hợp với các Khối/Ban/Trung tâm xây dựng danh mục dự án/ sáng kiến chiến lược và lộ trình triển khai theo từng giai đoạn để thực thi các mục tiêu chiến lược toàn hàng và chiến lược thành phần của từng đơn vị;
 - Truyền thông mục tiêu, chiến lược, lộ trình và tình hình thực hiện chiến lược của SHB tới các đơn vị và toàn thể cán bộ nhân viên;
 - Tổ chức triển khai, theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện và hiệu quả các dự án/ sáng kiến chiến lược của ngân hàng;
 - Cập nhật các xu hướng ngành, đảm bảo các thông tin ứng dụng liên tục, sát thực tế, phù hợp với định hướng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- **Khối Quản lý tài chính kế toán**
- Tham mưu cho Ban điều hành, xây dựng các tiêu chí, lập kế hoạch phát triển kinh doanh của Ngân hàng.
 - Theo dõi tình hình hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, phân tích, đánh giá đo lường kết quả kinh doanh.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tổng hợp số liệu, lập báo cáo các công việc liên quan đến quản trị, hoạt động kinh doanh của ngân hàng theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành và cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng các chính sách chế độ kế toán của SHB.
- Thực hiện các công tác liên quan đến việc thanh toán, công tác kế toán và thuế, lập báo cáo tài chính và sổ cái của Ngân hàng, báo cáo thống kê định kỳ.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

▪ **Khối Quản lý tín dụng:**

- Thẩm định tài sản.
- Thẩm định và phê duyệt tín dụng.
- Hỗ trợ tín dụng và đầu tư.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.
- Tham mưu, giúp việc HĐQT/Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, mục tiêu kế hoạch quản lý các hoạt động nghiệp vụ tín dụng trên toàn hệ thống.
- Trực tiếp thẩm định tín dụng, phê duyệt cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng vượt quyền của đơn vị kinh doanh.
- Quản lý, giám sát hoạt động nghiệp vụ tín dụng trên toàn hệ thống.
- Xây dựng khung thẩm định và phê duyệt, chuẩn hóa các tiêu chí/tiêu chuẩn so sánh, đánh giá khách hàng đảm bảo đáp ứng quy chuẩn của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh và quản trị rủi ro của SHB trong từng thời kỳ.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

▪ **Các chi nhánh, phòng giao dịch:**

- Tổ chức hoạt động và phát triển kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan phù hợp với các quy định về quản lý, điều hành của SHB và của Pháp luật.
- Xây dựng các chương trình quảng bá hình ảnh thương hiệu giữa ngân hàng trên địa bàn, đầu mối đại diện SHB trong việc xây dựng, phát triển mối quan hệ giữa Ngân hàng với các cơ quan/ban ngành/dối tác/khách hàng trên địa bàn.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày
31/03/2025

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ sở
-----	-------------	---------	---------	------------	----------

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

				sở hữu	hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Số 31-33 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100233223	319.001.218	7,85

Nguồn: Danh sách cổ đông của SHB chốt tại ngày 31/03/2025 do VSDC cấp

4.2. Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Đến thời điểm hiện nay, các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ Cấu Cổ Đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	496.186	0,012
2	Trong nước	99.486	3.940.845.421	96,928
a	Cá nhân trong nước	99.282	3.365.463.596	82,776
b	Tổ chức trong nước	204	575.381.825	14,152
3	Nước ngoài	524	124.405.395	3,060
a	Cá nhân nước ngoài	472	7.800.080	0,192
b	Tổ chức nước ngoài	52	116.605.315	2,868
	Tổng cộng	100.011	4.065.747.002	100,000

Nguồn: Danh sách cổ đông của SHB chốt tại ngày 31/03/2025 do VSDC cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Bảng 4: Danh sách các công ty con của SHB tại ngày 31/03/2025

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Vốn thực góp của SHB	Tỷ lệ sở hữu của SHB (%)
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Số 71B, phố Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý nợ và khai thác tài sản	20 tỷ VND	20 tỷ VND	100%
2	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào	Tổ 1 đường Lanexang, bản Hatsadytai, huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn, Lào	Tài chính/ Ngân hàng	1.279,5 tỷ VND	1.279,5 tỷ VND	100%
3	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia	Số 107, đường Norodom, phường Boeung Reang, quận Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia	Tài chính/ Ngân hàng	1.744,4 tỷ VND	1.744,4 tỷ VND	100%

Nguồn: SHB

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

5.5. Thông tin về công ty liên kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại ngày 31/03/2025:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký/Vốn thực góp của SHB	Tỷ lệ sở hữu của SHB (%)
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance)	Tòa nhà Gelex Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cho vay tiêu dùng	1.000 tỷ VND	1.000 tỷ VND	500 tỷ VND	50%

Nguồn: SHB

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 25/08/2021 của HĐQT Ngân hàng đã thông qua việc Ngân hàng chuyển nhượng 100% sở hữu của Ngân hàng tại SHB Finance, công ty con của Ngân hàng. Việc chuyển nhượng vốn được chia thành 2 giai đoạn, giai đoạn hiện tại Ngân hàng đã hoàn thành các thủ tục chuyển 50% vốn điều lệ cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (“Krungsri”) của Thái Lan – thành viên Tập đoàn MUFG (Nhật Bản). Sau 3 năm cùng sở hữu SHB Finance, Ngân hàng sẽ chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại cho Krungsri và Krungsri sẽ trở thành chủ sở hữu duy nhất của SHB Finance. Ngày 25/04/2023, NHNN ban hành Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội số 21/GP-NHNN (thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Tài chính MTV TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội số 71/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2021) với thời gian hoạt động là 50 năm với số vốn điều lệ là 1.000.000 triệu đồng. Ngày 09/06/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107779290, sửa đổi lần thứ 7, ghi nhận danh sách thành viên góp vốn của SHB Finance bao gồm Ngân hàng và Krungsri với tỷ lệ 50% vốn góp mỗi bên. Do SHB Finance đã được thỏa thuận để chuyển nhượng cho Krungsri, Krungsri có quyền bổ nhiệm các vị trí quản lý chủ chốt tại SHB Finance và thông qua đó thực hiện quyền kiểm soát đối với SHB Finance. Hiện tại, Ngân hàng vẫn có ảnh hưởng đáng kể tới chính sách và hoạt động của SHB Finance, do đó, đã ghi nhận khoản đầu tư còn vào SHB Finance là công ty liên kết tại ngày 31/03/2025.

Ngày 04/11/2024, HĐQT SHB đã ban hành Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua bán/chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHB Finance cho Krungsri. Thời gian thực hiện: sau khi có chấp thuận của NHNN.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

6.1.1. Chủng loại và chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh chính của ngân hàng là thực hiện các giao dịch huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; Bao thanh toán, dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Đại lý bảo hiểm; Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác...

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của SHB (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng /giảm	Quý I/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các	55.922	91,67%	49.458	91,49%	-11,56%	13.530	94,91%

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

	khoản thu nhập tương tự							
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	747	1,22%	1.524	2,82%	104,02%	368	2,58%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.875	4,71%	1.567	2,90%	-45,50%	230	1,61%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	737	1,21%	41	0,08%	-94,44%	0	0,00%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	184	0,30%	121	0,22%	-34,24%	42	0,29%
6	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	69	0,11%	10	0,02%	-85,51%	0	0,00%
7	Thu nhập từ hoạt động khác	470	0,77%	1.338	2,48%	184,68%	85	0,60%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	61.004	100,00%	54.059	100,00%	-11,38%	14.255	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB; SHB

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của SHB (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng /giảm	Quý I/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	57.589	91,36%	50.487	91,29%	-12,33%	13.868	94,66%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	913	1,45%	1.570	2,84%	71,96%	376	2,57%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.039	4,82%	1.745	3,16%	-42,58%	277	1,89%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	743	1,18%	30	0,05%	-95,96%	2	0,01%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	184	0,29%	121	0,22%	-34,24%	42	0,29%
6	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	69	0,11%	10	0,02%	-85,51%	0	0,00%
7	Thu nhập từ hoạt động khác	501	0,79%	1.342	2,43%	167,86%	86	0,59%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	63.038	100,00%	55.305	100,00%	-12,27%	14.651	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB; SHB

6.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của SHB phần lớn từ thị trường trong nước.

a) Nguồn vốn huy động

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của SHB. Nguồn vốn huy động của SHB bao gồm:

- Tiền gửi và vay NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi của khách hàng
- Phát hành giấy tờ có giá

Bảng 7: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	1.334	0,24%	1.243	0,19%	-6,82%	1.227	0,17%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	69.324	12,39%	132.373	19,75%	90,95%	135.396	19,07%
Tiền gửi của khách hàng	444.628	79,44%	496.105	74,00%	11,58%	526.425	74,15%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.611	0,29%	1.430	0,21%	-11,24%	5.264	0,74%
Phát hành giấy tờ có giá	42.822	7,65%	39.248	5,85%	-8,35%	41.599	5,86%
Tổng cộng	559.718	100,00%	670.399	100,00%	19,77%	709.911	100,00%
II. Phân theo loại tiền							
VND	536.874	95,92%	643.254	95,95%	19,81%	681.467	95,99%
Ngoại tệ	22.844	4,08%	27.146	4,05%	18,83%	28.445	4,01%
Tổng cộng	559.718	100,00%	670.399	100,00%	19,77%	709.911	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 8: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	1.334	0,24%	1.243	0,18%	-6,82%	1.227	0,17%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	70.766	12,55%	134.091	19,84%	89,49%	137.035	19,16%
Tiền gửi của khách hàng	447.503	79,34%	499.897	73,96%	11,71%	530.116	74,12%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.611	0,29%	1.430	0,21%	-11,24%	5.264	0,74%
Phát hành giấy tờ có giá	42.822	7,59%	39.248	5,81%	-8,35%	41.599	5,82%
Tổng cộng	564.036	100,00%	675.908	100,00%	19,83%	715.242	100,00%

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
II. Phân theo loại tiền							
VND	536.831	95,18%	643.206	95,16%	19,82%	681.425	95,27%
Ngoại tệ	27.205	4,82%	32.702	4,84%	20,21%	33.817	4,73%
Tổng cộng	564.036	100,00%	675.908	100,00%	19,83%	715.242	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Tổng số dư huy động vốn hợp nhất tại ngày 31/12/2024 của SHB đạt 675.908 tỷ VND, tăng 19,83% so với cuối năm 2023. Cụ thể, Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng đạt và Huy động vốn từ Tiền gửi và vay các TCTD khác chiếm lần lượt 73,96% và 19,84% tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng có giá chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động là do tính chất tương đối ổn định và lãi suất huy động cạnh tranh, là yếu tố quan trọng để Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động cho vay.

Tại thời điểm 31/03/2025, tổng số dư huy động hợp nhất của Ngân hàng đạt 715.242 tỷ VND, tăng 5,82% so với cuối năm 2024. Trong đó, Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt lần lượt 74,12% và 19,16% tổng nguồn vốn huy động.

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số dư phát hành giấy tờ có giá hợp nhất đạt 39.248 tỷ VND, giảm 8,35% so với cuối năm 2023, gồm hai loại chính là chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Việc phát hành giấy tờ có giá của SHB không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tại thời điểm 31/03/2025, tổng số dư phát hành giấy tờ có giá hợp nhất đạt 41.599 tỷ VND, tăng 5,99% so với cuối năm 2024.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình 75,81% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của SHB trong giai đoạn 2023 – Quý I/2025. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư.

Bảng 9: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

	Tổng tiền gửi của khách hàng	444.628	100,00%	496.105	100,00%	11,58%	526.425	100,00%
1	Phân theo khách hàng (%)							
-	Tổ chức kinh tế	102.063	22,95%	111.080	22,39%	8,83%	113.409	21,54%
-	Cá nhân	312.673	70,32%	349.060	70,36%	11,64%	374.742	71,19%
-	Các đối tượng khác	29.892	6,72%	35.966	7,25%	20,32%	38.274	7,27%
2	Phân theo kỳ hạn (%)							
-	Tiền gửi không kỳ hạn	42.092	9,47%	36.072	7,27%	-14,30%	34.614	6,58%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	400.660	90,11%	458.168	92,35%	14,35%	489.987	93,08%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	2	0,00%	1	0,00%	-50,00%	1	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	1.874	0,42%	1.864	0,38%	-0,53%	1.824	0,35%
3	Phân theo loại tiền (%)							
-	VND	437.521	98,40%	488.450	98,46%	11,64%	517.986	98,40%
-	Ngoại tệ	7.107	1,60%	7.655	1,54%	7,72%	8.439	1,60%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB; SHB

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng tiền gửi của khách hàng	447.503	100,00%	499.897	100,00%	11,71%	530.116	100,00%
1	Phân theo khách hàng (%)							
-	Tổ chức kinh tế	104.196	23,28%	112.243	22,45%	7,72%	113.409	21,39%
-	Cá nhân	313.021	69,95%	350.284	70,07%	11,90%	378.432	71,39%
-	Các đối tượng khác	30.286	6,77%	37.370	7,48%	23,39%	38.275	7,22%
2	Phân theo kỳ hạn (%)							
-	Tiền gửi không kỳ hạn	43.074	9,63%	37.158	7,43%	-13,73%	35.401	6,68%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	402.525	89,95%	460.851	92,19%	14,49%	492.868	92,97%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	2	0,00%	1	0,00%	-50,00%	1	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	1.903	0,43%	1.886	0,38%	-0,89%	1.846	0,35%
3	Phân theo loại tiền (%)							

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

-	VND	437.482	97,76%	488.403	97,70%	11,64%	517.944	97,70%
-	Ngoại tệ	10.022	2,24%	11.493	2,30%	14,68%	12.173	2,30%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB; SHB

Về cơ cấu, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng, lần lượt là 70,07% và 71,39% tổng lượng tiền gửi của khách hàng tại thời điểm 31/12/2024 và 31/03/2025. Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng chiến lược phát triển của SHB là Ngân hàng bán lẻ trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn của SHB có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 92,19% tổng tiền gửi của khách hàng tại cuối năm 2024, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tại thời điểm 31/12/2024, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 7,43% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 31/03/2025, tiền gửi có kỳ hạn chiếm 92,97% tổng tiền gửi của khách hàng trong khi đó tiền gửi không kỳ hạn đạt mức 6,68%.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 97% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 - 2024). Tại thời điểm 31/12/2024, tỷ trọng tiền gửi nội tệ (VND) đạt 488.403 tỷ VND, tăng 11,64% so với cuối năm 2023 và chiếm tỷ trọng 97,70% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 31/03/2025, tỷ trọng tiền gửi nội tệ trên tổng tiền gửi của khách hàng không đổi so với thời điểm cuối năm 2024.

6.1.3. Hoạt động tín dụng**a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng**

Với mục tiêu phát triển bền vững, SHB xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn, đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

Bảng 11: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	177.972	41,91%	198.179	39,16%	11,35%	210.362	37,95%
2	Nợ trung hạn	97.484	22,95%	124.496	24,60%	27,71%	145.208	26,20%
3	Nợ dài hạn	149.245	35,14%	183.438	36,24%	22,91%	198.674	35,85%
	Tổng	424.701	100,00%	506.113	100,00%	19,17%	554.243	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 12: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	184.513	42,08%	204.690	39,37%	10,94%	216.932	38,20%
2	Nợ trung hạn	97.605	22,26%	124.734	23,99%	27,79%	145.447	25,61%
3	Nợ dài hạn	156.347	35,66%	190.526	36,64%	21,86%	205.570	36,20%
	Tổng	438.464	100,00%	519.950	100,00%	18,58%	567.948	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/12/2024, dư nợ cho vay trung dài hạn hợp nhất của SHB đạt 315.260 tỷ VND, chiếm 60,63% tổng dư nợ cho vay khách hàng và tăng 24,14% so với cuối năm 2023. Trong khi đó, dư nợ cho vay ngắn hạn tại 31/12/2024 là 204.690 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 39,37%), tăng 10,94% so với thời điểm cuối năm 2023. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được SHB chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 31/03/2025, dư nợ cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn hợp nhất đạt lần lượt 216.932 tỷ VND (tương đương 38,20%), 145.447 tỷ VND (tương đương 25,61%) và 205.570 tỷ VND (tương đương 36,20%).

Bảng 13: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Ngành nghề	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	22.629	5,33%	8.866	1,75%	8.865	1,60%
2	Khai khoáng	1.351	0,32%	1.139	0,23%	1.277	0,23%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	42.224	9,94%	33.405	6,60%	35.071	6,33%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	21.425	5,04%	20.415	4,03%	23.596	4,26%
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	403	0,09%	632	0,12%	602	0,11%
6	Xây dựng	68.060	16,03%	57.980	11,46%	59.788	10,79%
7	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	123.332	29,04%	145.458	28,74%	165.427	29,85%

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

STT	Ngành nghề	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
8	Vận tải kho bãi	13.133	3,09%	20.305	4,01%	27.337	4,93%
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.837	0,67%	12.119	2,39%	12.609	2,27%
10	Thông tin và truyền thông	107	0,03%	148	0,03%	137	0,02%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	205	0,05%	744	0,15%	727	0,13%
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	65.630	15,45%	126.734	25,04%	141.089	25,46%
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	250	0,06%	178	0,04%	174	0,03%
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	6.524	1,54%	9.287	1,83%	8.961	1,62%
15	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	12	0,00%	13	0,00%	13	0,00%
16	Giáo dục và đào tạo	82	0,02%	56	0,01%	57	0,01%
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	59	0,01%	163	0,03%	161	0,03%
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	144	0,03%	485	0,10%	552	0,10%
19	Hoạt động dịch vụ khác	48.725	11,47%	58.450	11,55%	58.151	10,49%
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7.568	1,78%	9.537	1,88%	9.649	1,74%
Tổng		424.701	100,00%	506.113	100,00%	554.243	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Ngành nghề	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	24.197	5,52%	9.929	1,91%	9.799	1,73%
2	Khai khoáng	1.370	0,31%	1.156	0,22%	1.293	0,23%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	43.943	10,02%	35.291	6,79%	36.984	6,51%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều	21.425	4,89%	20.415	3,93%	23.596	4,15%

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

STT	Ngành nghề	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	hòa không khí						
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	403	0,09%	632	0,12%	602	0,11%
6	Xây dựng	69.714	15,90%	59.709	11,48%	61.519	10,83%
7	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	123.777	28,23%	145.777	28,04%	165.720	29,18%
8	Vận tải kho bãi	13.134	3,00%	20.305	3,91%	27.337	4,81%
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.891	0,66%	12.181	2,34%	12.671	2,23%
10	Thông tin và truyền thông	107	0,02%	148	0,03%	137	0,02%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	205	0,05%	744	0,14%	727	0,13%
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	73.269	16,71%	127.569	24,53%	141.906	24,99%
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	250	0,06%	178	0,03%	174	0,03%
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	6.536	1,49%	9.299	1,79%	8.973	1,58%
15	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	207	0,05%	390	0,08%	394	0,07%
16	Giáo dục và đào tạo	191	0,04%	145	0,03%	141	0,02%
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	60	0,01%	165	0,03%	163	0,03%
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	144	0,03%	485	0,09%	552	0,10%
19	Hoạt động dịch vụ khác	48.949	11,16%	65.748	12,65%	65.463	11,53%
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7.694	1,75%	9.685	1,86%	9.798	1,73%
Tổng		438.464	100,00%	519.950	100,00%	567.948	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Xét về nhóm ngành cho vay:

Phân theo ngành kinh tế, ba lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất lần lượt là Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động kinh doanh bất động sản; và Xây dựng. Các khoản vay phục vụ nhóm ngành nghề này chiếm tỷ trọng 64,05% cơ cấu dư nợ cho

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2024 và 65,00% cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 31/03/2025. Theo định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME, SHB sẽ đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và liên kết đối tác nền tảng. Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, website SHB mới theo tư duy E-Commerce.

Xét về đối tượng khách hàng:

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, SHB đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho SHB.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, SHB đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục tiên phong trong việc phát triển dòng tín dụng Xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, tài trợ chuỗi tiếp tục thể hiện vai trò chủ lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của SHB khi thiết lập quan hệ đến hơn 50 khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sập thép, xăng dầu, hàng không và vận tải, v.v., qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu, v.v. từ những lĩnh vực này.

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của SHB. Số dư bảo lãnh hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2024 đạt 17.958 tỷ VND, giảm 3,10% cuối năm 2023 và tại thời điểm 31/03/2025 đạt 19.805 tỷ VND, tăng 10,29% so với cuối năm 2024.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, SHB đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của SHB. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/03/2025 ở mức 2,87% tổng dư nợ cho vay khách hàng, so với mức 2,90% tại thời điểm 31/12/2024 và mức 3,02% tại thời điểm 31/12/2023.

Bảng 15: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	403.623	95,04%	488.027	96,43%	20,91%	537.690	97,01%
Nợ cần chú ý	8.445	1,99%	4.476	0,88%	-47,00%	1.706	0,31%
Nợ dưới tiêu chuẩn	577	0,14%	1.092	0,22%	89,25%	1.715	0,31%
Nợ nghi ngờ	2.351	0,55%	1.938	0,38%	-17,57%	1.893	0,34%
Nợ có khả năng mất vốn	9.704	2,28%	10.580	2,09%	9,03%	11.239	2,03%
Tổng cộng	424.701	100,00%	506.113	100,00%	19,17%	554.243	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 16: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	416.692	95,03%	499.505	96,07%	19,87%	548.003	96,49%
Nợ cần chú ý	8.533	1,95%	5.380	1,03%	-36,95%	3.633	0,64%
Nợ dưới tiêu chuẩn	761	0,17%	1.969	0,38%	158,74%	2.282	0,40%
Nợ nghi ngờ	2.494	0,57%	2.052	0,39%	-17,72%	2.282	0,40%
Nợ có khả năng mất vốn	9.985	2,28%	11.043	2,12%	10,60%	11.748	2,07%
Tổng cộng	438.464	100,00%	519.950	100,00%	18,58%	567.948	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được SHB nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 17: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2023	5.692	3.094	8.786
31/12/2024	4.449	3.711	8.160

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

31/03/2025	4.590	4.062	8.652
------------	-------	-------	--------------

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 18: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2023	5.890	3.212	9.101
31/12/2024	4.985	3.812	8.797
31/03/2025	5.497	4.155	9.652

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN (“Thông tư 11”) quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NIINN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 01/07/2024, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN (“Thông tư 31”) quy định về phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) theo số liệu hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/03/2025 là 11,69%, so với mức 11,82% tại thời điểm 31/12/2024. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 19: Tỷ lệ an toàn vốn

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Tỷ lệ an toàn vốn – riêng lẻ	11,84%	11,48%	11,37%
Tỷ lệ an toàn vốn – hợp nhất	12,20%	11,82%	11,69%

Nguồn: SHB, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41

Từ năm 2023, SHB đã bắt đầu áp dụng các tiêu chuẩn của Basel III trong quản lý rủi ro thanh khoản, có sự đánh giá tuân thủ của một công ty tư vấn quốc tế nhằm bảo đảm phù hợp với những thông lệ tốt và yêu cầu của Ủy ban Basel theo Basel III. Đồng thời, SHB đang triển khai áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao IRB sẽ giúp ngân hàng tối ưu hóa chi phí vốn, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tài chính.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của SHB bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng.

Bảng 20: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm	Quý I/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.875	1.567	-45,50%	230
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.594	1.481	-42,91%	185
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	281	86	-69,40%	45

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB; SHB

Bảng 21: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm	Quý I/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.039	1.745	-42,58%	277
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.757	1.659	-39,83%	228
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	282	86	-69,50%	48

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB; SHB

Trong năm 2024, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của SHB đạt 86 tỷ VND, so với mức 282 tỷ VND của năm 2023. Trong Quý I năm 2025, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất đạt 48 tỷ VND.

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp SHB tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, đảm bảo tuyệt đối an toàn, chính xác nguồn vốn cho khách hàng. SHB cũng đã tích cực củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ Western Union, mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất. Bên cạnh đó, SHB đã và đang đa dạng kênh thanh toán, phát triển nhiều dịch vụ nhận chuyển tiền ngoại tệ khác và được khách hàng đánh giá cao.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại là một trong những dịch vụ có tốc độ phát triển nhanh (trung bình 14%/năm) và đóng góp lớn trong thu nhập phi tín dụng của SHB. Đây là dịch vụ an toàn, chính xác, với chất lượng dịch vụ cao (tỷ lệ điện thanh toán chuẩn - luôn trên 98%, cao hơn mức trung bình 94-95% của thị trường). Nhờ vậy, SHB nhiều năm liền được vinh dự nhận các giải thưởng tầm cỡ quốc tế như giải thưởng “Ngân hàng có chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc” do ngân hàng Bank of New York Mellon (Mỹ) và Wells Fargo Bank trao tặng, giải thưởng “Ngân hàng Tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Finance Asia Magazine và tạp chí Global Finance Magazine bình chọn, ngày càng khẳng định được uy tín và vị thế trong và ngoài nước.

6.1.5. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Bảng 22: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	40.057	91,54%	37.716	91,06%	-5,84%	28.964	88,67%
Chứng khoán Chính phủ	22.273	50,90%	21.892	52,86%	-1,71%	18.575	56,86%
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	500	1,14%	1.761	4,25%	252,14%	2.801	8,58%
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	17.254	39,43%	14.034	33,88%	-18,66%	7.559	23,14%
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	1	0,00%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	29	0,07%	29	0,07%	0,00%	29	0,09%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	3.702	8,46%	3.702	8,94%	0,00%	3.702	11,33%
Tổng cộng	43.759	100,00%	41.418	100,00%	-5,35%	32.666	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 23: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/	31/03/2025
----------	------------	------------	---------	------------

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	giảm	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	40.061	98,76%	37.719	98,62%	-5,84%	29.238	98,22%
Chứng khoán Chính phủ	22.273	54,91%	21.892	57,24%	-1,71%	18.575	62,40%
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	500	1,23%	1.761	4,60%	252,14%	2.801	9,41%
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	17.254	42,54%	14.034	36,69%	-18,66%	7.829	26,30%
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	1	0,00%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	33	0,08%	33	0,09%	0,00%	33	0,11%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	501	1,24%	528	1,38%	5,39%	530	1,78%
Tổng cộng	40.562	100,00%	38.247	100,00%	-5,71%	29.768	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Đầu tư chứng khoán Chính phủ và chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành chiếm tỷ trọng chính trong hoạt động đầu tư tài chính của SHB, chiếm trung bình 58,18% tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất trong giai đoạn 2023 – Quý I/2025.

Tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 37.719 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2024, giảm 5,84% so với cuối năm 2023 và 29.238 tỷ VND tại thời điểm 31/03/2025, giảm 22,49% so với cuối năm 2024. Mức suy giảm chủ yếu là do SHB chủ động giảm giá trị đầu tư chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành và chứng khoán Chính phủ trong bối cảnh vĩ mô có nhiều biến động.

b) Hoạt động kinh doanh thẻ

Với mục tiêu chiến lược đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng, Ngân hàng số được yêu thích nhất, Ngân hàng SHB luôn nỗ lực, đầu tư vào công nghệ, sản phẩm và nguồn nhân lực để trở thành một trong các ngân hàng có công nghệ hiện đại nhất tại Việt Nam.

Cùng với sự phát triển các sản phẩm của ngân hàng, sản phẩm và dịch vụ thẻ là một trong các sản phẩm dịch vụ được SHB ưu tiên phát triển trên nhiều phương diện, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời đem lại nhiều tiện ích và đặc biệt là các đặc tính an toàn của sản phẩm dịch vụ dành cho chủ thẻ. Hiện nay, cùng với việc là ngân hàng thành viên của tổ chức liên minh thẻ tại Việt Nam – Công ty Cổ phần Thanh Toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS), SHB còn là ngân hàng thành viên của các tổ chức thẻ Quốc tế lớn là Visa và MasterCard. Điều đó đã tạo thuận lợi cho các chủ thẻ của SHB có nhiều lựa chọn đối với các sản

phẩm thẻ chip EMV contactless an toàn, tiện lợi để sử dụng thẻ trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như trên toàn cầu.

Đồng thời với việc phát triển sản phẩm, đầu tư hệ thống thẻ, SHB luôn luôn chú trọng đến các biện pháp an toàn bảo mật đối với các sản phẩm và dịch vụ thẻ để phòng ngừa rủi ro gian lận. Đặc biệt là bảo mật các dữ liệu thẻ, dữ liệu chủ thẻ trong hoạt động phát hành, lưu trữ, và thanh toán thẻ. SHB đã triển khai thành công Hệ thống tiêu chuẩn bảo mật dành cho thẻ thanh toán - PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standards) và Hệ thống xác thực giao dịch thẻ online 3D Secure.

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, SHB tiếp tục duy trì chiến lược trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, Ngân hàng số được yêu thích nhất, trong đó sản phẩm thẻ sẽ là mũi nhọn để SHB đạt được mục tiêu nêu trên.

c) Hoạt động Ngân hàng đại lý

Từ năm 2008, SHB chính thức triển khai dịch vụ thanh toán Quốc tế (TTQT) thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác song phương với ngân hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới thông qua việc trao đổi SWIFT CODE. Cho đến nay SHB đã thiết lập quan hệ đại lý với khoảng 500 ngân hàng, hiện diện ở nhiều khu vực: châu Á, châu Âu, châu Mỹ, Mỹ La Tinh và một số nước tại Châu Phi. Bên cạnh việc phát triển khách hàng TTQT, nghiệp vụ TTQT của SHB luôn được sự tín nhiệm cao của các ngân hàng đại lý, tỷ lệ diện TTQT đạt chuẩn SWIFT, đạt 98%.

Hiện nay, ngoài hai loại tài khoản ngoại tệ chính là USD và EUR, SHB đã mở thêm nhiều tài khoản bằng các loại ngoại tệ khác nhau để phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng như tài khoản SGD, JPY, AUD, GBP, HKD và 02 tài khoản đa tệ khác.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Mảng tài chính tiêu dùng của SHB được thực hiện bởi Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance).

Năm 2023, SHB đã hoàn tất chuyển nhượng 50% vốn cổ phần tại SHBFinance cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri) của Thái Lan (thành viên chiến lược thuộc Tập đoàn MUFG, Nhật Bản) đã tạo thêm động lực mới và toàn diện cho SHBFinance trong việc đẩy nhanh thực hiện các kế hoạch trung và dài hạn theo các chuẩn mực quốc tế, cũng như trong chiến lược phát triển một công ty tài chính có thể mạnh hàng đầu Việt Nam về công nghệ và số hóa.

Ngày 04/11/2024, SHB đã công bố Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHBFinance cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri). Thời gian thực hiện: sau khi có chấp thuận của NHNN.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Quản lý rủi ro tín dụng

SHB đã cấp toàn diện hệ thống quản lý rủi ro tín dụng, tập trung vào: Kiện toàn hệ thống văn bản, chính sách quản lý rủi ro tín dụng nhằm quản lý rủi ro hiệu quả, đảm bảo an toàn hoạt động, tuân thủ theo quy định của Luật, NHNN và hướng đến chuẩn mực quản trị rủi ro theo các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế; Thực hiện đo lường rủi ro tín dụng trong điều kiện hoạt động bình thường và điều kiện thị trường có diễn biến bất lợi. Trong đó, với tình huống thị trường có diễn biến bất lợi, SHB sử dụng phương pháp kịch bản để dự báo tốc độ tăng trưởng tín dụng và chất lượng nợ, từ đó, xây dựng kế hoạch dự phòng, có các biện pháp kiểm soát, giám sát và giảm thiểu nợ xấu phù hợp; Tăng cường kiểm soát tín dụng theo từng phân khúc khách hàng, ngành nghề, giúp phát hiện sớm rủi ro và có phương án điều chỉnh kịp thời.

Năm 2024, SHB đã hoàn thành việc xây dựng các mô hình đo lường rủi ro tín dụng và phương pháp luận tính vốn theo tiêu chuẩn Basel II – phương pháp nâng cao IRB; và đang trong lộ trình hoàn thiện bộ khung quản trị rủi ro tiên tiến với mục tiêu năm 2027 đáp ứng toàn bộ yêu cầu của Base II – IRB, đồng thời phù hợp với định hướng của NHNN về nâng cao năng lực quản trị rủi ro của hệ thống TCTD.

Bên cạnh đó, SHB đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội (ESMS) với cấu trúc rõ ràng và tích hợp trong quy trình cấp tín dụng. Đồng thời, SHB không ngừng mở rộng và nâng cao năng lực trong việc tăng trưởng tín dụng xanh cũng như thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, phát triển danh mục tín dụng xanh một cách bền vững.

Trong thời gian tới, SHB sẽ mở rộng ứng dụng công nghệ và dữ liệu lớn (Big Data, AI) trong quản lý rủi ro tín dụng, giúp nâng cao tính chính xác trong đánh giá rủi ro và ra quyết định tín dụng.

6.2.2. Quản lý rủi ro hoạt động

SHB đã hoàn thiện khung quản trị rủi ro hoạt động, đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN và thông lệ quốc tế nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng và nâng cao hiệu quả vận hành. SHB đã triển khai nhiều biện pháp quan trọng, bao gồm: Đào tạo và nâng cao nhận thức về rủi ro hoạt động, thông qua các chương trình chuyển giao kiến thức, bản tin rủi ro, video hướng dẫn nhận diện rủi ro cho cán bộ nhân viên; Tăng cường bảo mật và phòng chống rủi ro công nghệ, đặc biệt là ngăn chặn lừa đảo, giả mạo và các hình thức gian lận công nghệ cao đối với Khách hàng; Kiểm thử định kỳ các tính huống có nguy cơ gián đoạn giao dịch, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định ngay cả trong các tình huống rủi ro; Đặc biệt, SHB đã triển khai vận hành luân phiên hệ thống Core Banking nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh và khả năng phục hồi nhanh chóng khi xảy ra sự cố.

6.2.3. Quản lý rủi ro thị trường

Trong bối cảnh thị trường tài chính – tiền tệ có nhiều diễn biến nhanh và khó lường, SHB đặc biệt chú trọng đến quản trị rủi ro thị trường, đảm bảo khả năng thích ứng linh hoạt với sự biến

động của lãi suất, tỷ giá và giá trị tài sản tài chính: Định kỳ đo lường trạng thái rủi ro thị trường bằng các chỉ số: trạng thái mở, độ nhạy PV01, đánh giá PnL theo giá trị thị trường (MtM) và giá trị rủi ro VaR, tăng cường giám sát biến động lãi suất và tỷ giá, tối ưu hóa danh mục tài sản tài chính để giảm thiểu tác động từ rủi ro thị trường.

SHB áp dụng chiến lược quản lý rủi ro thị trường và xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường đảm bảo phù hợp khung quản trị rủi ro của Ngân hàng, đáp ứng các thông lệ quốc tế và chuẩn mực Basel II cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý về quản trị rủi ro thị trường.

Ngoài ra, SHB thực hiện xây dựng các kịch bản diễn biến bất lợi về thị trường như lãi suất/tỷ giá, thực hiện kiểm tra sức chịu đựng (stress test) rủi ro thị trường, xác định tác động đến giá trị tài sản và vốn, từ đó, đánh giá khả năng chịu đựng của Ngân hàng và đưa ra các giải pháp để ứng phó theo các kịch bản, tình huống.

6.2.4. Quản lý rủi ro thanh khoản và quản trị vốn

SHB tiếp tục duy trì tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ở mức cao so với quy định của NHNN, phản ánh tiềm lực tài chính và khả năng ứng phó với rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn CAR luôn duy trì trên 12% (so với mức tối thiểu 8% của NHNN).

SHB đã hoàn thành triển khai và áp dụng quản lý rủi ro thanh khoản theo tiêu chuẩn Basel III (LCR, NSFR) và triển khai công cụ đo lường quản lý tài sản nợ có (FTP, ALM) tiên tiến, giúp kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh khoản và có dự phòng chủ động trong trường hợp thị trường có diễn biến bất lợi.

Ngân hàng cũng xây dựng các kịch bản và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản (stress test) định kỳ 6 tháng, đánh giá khả năng thanh khoản và quản trị vốn trong cả điều kiện bình thường và diễn biến bất lợi. Bên cạnh đó, SHB tiếp tục thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động, cân bằng tài sản – nợ phải trả và theo dõi sát sao các chỉ số thanh khoản đảm bảo ngân hàng luôn chủ động và có phương án ứng phó kịp thời.

6.2.5. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2025

HDQT SHB đã định hướng và giám sát chặt chẽ việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các giới hạn an toàn theo quy định của pháp luật và từng bước tiệm cận các thông lệ quốc tế. Công tác quản trị rủi ro được xác định là một trong những trụ cột cốt lõi hỗ trợ triển khai chiến lược ngân hàng hiệu quả, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng số, ngân hàng xanh.

Ngân hàng sẽ tiếp tục tăng cường giám sát và quản lý chủ động các loại rủi ro trọng yếu như tín dụng, thanh khoản, lãi suất và rủi ro hoạt động thông qua hệ thống cảnh báo sớm và cơ chế báo cáo định kỳ, duy trì hệ số an toàn vốn (CAR) ở mức cao, đảm bảo đáp ứng hoặc vượt các chuẩn mực do NHNN và Basel III quy định.

Ngoài ra, công tác quản trị rủi ro sẽ được gắn chặt với chiến lược phát triển của ngân hàng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo an toàn hoạt động và duy trì tăng trưởng bền vững trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

6.3. Thị trường hoạt động

6.3.1. Mạng lưới chi nhánh

Tại ngày 31/03/2025, Ngân hàng có 01 Trụ sở chính, 63 Chi nhánh, 230 Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên là 6.703 người.

Bảng 24: Tình hình lợi nhuận trước thuế hợp nhất theo khu vực địa lý

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Khu vực thị trường	Năm 2023	Năm 2024	Quý I/2025
1	Miền Bắc	6.397	9.297	3.856
2	Miền Trung	401	566	86
3	Miền Nam	2.104	1.446	380
4	Nước ngoài	337	260	50
Tổng cộng		9.239	11.569	4.371

Nguồn: SHB

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a) Mạng lưới khách hàng

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp giúp SHB tiếp cận khách hàng tại 63/63 tỉnh thành phố trên toàn quốc, các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Myanmar. Nhờ đó, SHB cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp. SHB cũng đang phát triển kinh doanh và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

b) Các loại dịch vụ cho khách hàng

• Sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân:

- Tài khoản & các dịch vụ liên quan:

SHB cung cấp nhiều loại tài khoản thanh toán và đóng gói các sản phẩm dịch vụ thanh toán phù hợp với từng phân khúc khách hàng như:

- + Gói sản phẩm Đăng cấp vượt trội dành cho các khách hàng cá nhân cao cấp
- + Các combo Tài khoản thanh toán: S Basic, S More, S Super phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng
- + Dịch vụ tài khoản số đẹp/số tự chọn với số tài khoản đẹp trọn vẹn 10 số, từ số phong thủy, số ngày sinh tới số điện thoại...

- + Gói dịch vụ chi trả lương với các ưu đãi vượt trội cho doanh nghiệp trả lương và CBNV doanh nghiệp

- **Sản phẩm tiền gửi:**

Ngoài sản phẩm Tiết kiệm bậc thang và Tiết kiệm online dành cho khách hàng có nhu cầu gửi tiền thông thường trên các kênh tại quầy/online, SHB cung cấp các sản phẩm tiết kiệm với đặc tính linh hoạt, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng:

- + Tiết kiệm tự động: dành cho khách hàng có nhu cầu gửi tiết kiệm tự động theo kế hoạch tài chính đã lập
- + Chứng chỉ tiền gửi Phát Lộc (dành cho khách hàng có nhu cầu gửi tiền trung dài hạn)
- + Tiết kiệm thông minh, Tiết kiệm online linh hoạt (dành cho khách hàng có nhu cầu tài chính linh hoạt)
- + Tiết kiệm gửi góp (dành cho khách hàng có nhu cầu gửi tích lũy cho mục tiêu tài chính trong tương lai)
- + Tiết kiệm Tâm An, tiết kiệm An Phúc (Gói sản phẩm ưu đãi tiết kiệm kết hợp bảo hiểm nhân thọ/bảo hiểm phi nhân thọ dành cho khách hàng có nhu cầu gửi tiết kiệm và nhận thêm ưu đãi về bảo hiểm)

- **Sản phẩm tín dụng:**

Các sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân của SHB được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng từ sản xuất kinh doanh tới tiêu dùng phục vụ đời sống. Các sản phẩm cơ bản bao gồm:

- + Cho vay khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh
- + Cho vay theo chuỗi dành cho các KHCN đầu vào, đầu ra của các chuỗi sản xuất kinh doanh
- + Cho vay mua/xây dựng/sửa chữa nhà đất, nhà dự án
- + Cho vay mua ô tô
- + Cho vay tiêu dùng có/không có tài sản bảo đảm
- + Cho vay thấu chi không tài sản bảo đảm

Ngoài ra, thấu hiểu nhu cầu đặc thù của các khách hàng tại một số địa bàn, SHB xây dựng một danh mục sản phẩm tín dụng đặc thù vùng miền bao gồm:

- + Cho vay đầu tư chăm sóc vườn cây công nghiệp (dành cho địa bàn Tây nguyên, Đông nam bộ)
- + Cho vay sản xuất kinh doanh lúa gạo, vật tư nông nghiệp (dành cho địa bàn Tây Nam Bộ)
- + Cho vay sản xuất kinh doanh rau và hoa (dành cho địa bàn Lâm Đồng)
- + Cho vay kinh doanh tàu thủy nội địa (dành cho địa bàn Ninh Bình)
- + Các sản phẩm cho vay hộ kinh doanh tại chợ: cho vay hộ kinh doanh tại chợ Bình Điền, chợ Đồng Xuân, chợ Đông Kinh ...

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Theo chiến lược về chuyển đổi số và hiện đại hóa Ngân hàng, SHB đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm tín dụng trên nền tảng số, bao gồm:

- + Sản phẩm Thấu chi phê duyệt trước online
- + Sản phẩm Cho vay cầm cố Sổ tiết kiệm online
- + Các sản phẩm tín dụng cá nhân không TSBD và có TSBD phục vụ tiêu dùng, sản xuất kinh doanh theo lộ trình từ nay tới 2026.

- Dịch vụ thẻ:

Ngoài các dòng sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa dành cho nhóm khách hàng vắng lai/ khách hàng trả lương, SHB cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ quốc tế bao gồm:

- + Thẻ tín dụng SHB Visa Platinum/SHB Mastercard Gold dành cho nhóm khách hàng trung và cao cấp, có hạn mức tín dụng cao với nhu cầu chi tiêu cao với chính sách phí, lãi ưu đãi so với các sản phẩm thẻ cùng loại trên thị trường.
- + Thẻ tín dụng SHB Mastercard Cashback: dành cho nhóm khách hàng có nhu cầu chi tiêu và hoàn tiền cho các dịch vụ tiện ích cơ bản trong cuộc sống: y tế, giáo dục, bảo hiểm... với chính sách hoàn tiền linh hoạt, cạnh tranh trên thị trường.
- + Thẻ tín dụng đồng thương hiệu SHB FCB Mastercard dành cho khách hàng yêu thích câu lạc bộ Barcelona và chi tiêu nhiều cho dịch vụ thể thao. Thẻ tín dụng đồng thương hiệu SHB Mastercard Vinaphone dành cho các hội viên của Vinaphone với chính sách ưu đãi vượt trội về phí, lãi cạnh tranh trên thị trường.
- + Các sản phẩm thẻ tín dụng SHB cung cấp cho khách hàng nhiều tiện ích gia tăng, trải nghiệm trong quá trình sử dụng với các tính năng trên hệ thống Ebank SHB: mở thẻ phê duyệt trước online 100%, thanh toán dư nợ thẻ, kích hoạt, khóa thẻ, tạo Pin qua SMS/ Ebanking, trả góp lãi suất 0%, thay đổi hạn mức sử dụng thẻ linh hoạt, đăng ký trích nợ tự động, thanh toán hóa đơn điện nước, điện thoại, QR code bằng nguồn tiền thẻ tín dụng SHB, ưu đãi Rewards.
- + Các sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế như thẻ ghi nợ đồng thương hiệu SHB FCB Mastercard, thẻ Visa Debit/ Mastercard Debit với thiết kế độc trẻ trung, hiện đại: phù hợp với các khách hàng trẻ, văn phòng, khách hàng chi lương với mức phí cạnh tranh trên thị trường (phí chuyển đổi ngoại tệ, phí rút tiền, phí thường niên, ưu đãi gói tài khoản combo...),

- Dịch vụ ngân hàng điện tử: áp dụng cho khách hàng có tài khoản thanh toán tại SHB

SHB cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm mang tới cho khách hàng kênh giao dịch thay thế thuận tiện, dễ dàng và nhiều ưu đãi nhất, bao gồm:

- + Dịch vụ SMS: thông báo số dư tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, nhắc nợ vay, thông báo và nhắc nợ thẻ tín dụng
- + Dịch vụ SHB Online và dịch vụ SHB Mobile: kênh giao dịch ngân hàng điện tử thông qua Internet/ứng dụng trên điện thoại di động với vô vàn tính năng:
 - Chuyển khoản thông thường, chuyển khoản nhanh 24/7, tặng quà cho bạn bè/dối tác...

- Nạp tiền điện thoại di động
- Thanh toán hóa đơn (điện, nước, đt, internet, TH cap..), thanh toán QR Pay, mua vé máy bay/tàu xe, đặt phòng khách sạn, thanh toán phí bảo hiểm Daiichi
- Gửi tiết kiệm online với lãi suất hấp dẫn hơn tại quầy
- Mở tài khoản trực tuyến thông qua eKYC, lựa chọn tài khoản số đẹp với mức phí ưu đãi
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá trên eBank với các loại sổ TK tại quầy, Sổ TK Online thay vì KH phải xuống quầy
- Cho vay Thấu chi Online:
- Phê duyệt thẻ tín dụng Online
- Sản phẩm Reward – tích điểm thưởng cho KH khi sử dụng với các dịch vụ sau của SHB: Tài khoản thanh toán VND, Tiền gửi tiết kiệm trực tuyến, Thấu chi trực tuyến, Nạp tiền Topup điện thoại, Chi tiêu Thẻ Tín dụng đều được cộng điểm tích lũy và đổi quà (các loại quà đa dạng) tùy theo từng thời kỳ của SHB.

– **Dịch vụ bảo hiểm:**

SHB là đại lý của Công ty bảo hiểm nhân thọ (Dai-ichi Life Việt Nam), các Công ty bảo hiểm phi nhân thọ (Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn Hà Nội (BSH), Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không (VNI), Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ cho khách hàng cá nhân và tổ chức (thông qua các điểm giao dịch/kênh bán tại SHB):

+ **Danh mục các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ:**

- Các sản phẩm chính: hỗn hợp, liên kết đầu tư chung, liên kết đầu tư theo đơn vị (Tên của sản phẩm: Đồng Hành Thịnh Vượng/An Tâm Song Hành, Cuộc Sống Thịnh Vượng/An Thịnh Đầu Tư, Đại gia An phúc, Cuộc sống tươi đẹp/An Phúc Hưng Thịnh).
- Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (bán kèm sản phẩm chính): tai nạn, hỗ trợ viện phí, chăm sóc sức khỏe, từ bỏ thu phí người hôn phối, bệnh hiểm nghèo).

+ **Danh mục sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ:** ô tô, nhà, tài sản khác, trách nhiệm dân sự, sức khỏe, tai nạn, du lịch.

+ **Danh mục các dịch vụ/tiện ích/chương trình ưu đãi dành cho khách hàng cá nhân/tổ chức tham gia bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ tại SHB** - áp dụng trong từng thời kỳ.

– **Dịch vụ kiều hối:**

- + Dịch vụ chuyển tiền định cư, thừa kế: cung cấp giải pháp chuyển tiền ra nước ngoài hợp lý, an toàn và thuận tiện nhất.
- + Dịch vụ chuyển tiền du học: giúp khách hàng thanh toán các chi phí cho mục đích học tập, hỗ trợ du học sinh nhanh chóng ổn định cuộc sống ở nước ngoài.
- + Dịch vụ chuyển tiền khám chữa bệnh và sinh hoạt phí cho người bệnh ở nước ngoài: giúp khách hàng thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình chữa trị, an tâm dưỡng bệnh ở nước ngoài.

- + Dịch vụ chuyển tiền trợ cấp thân nhân: giúp khách hàng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu hỗ trợ cho thân nhân ở nước ngoài.
- + Dịch vụ chuyển các loại phí và lệ phí: giúp khách hàng thanh toán các khoản phí khi sử dụng các dịch vụ ở nước ngoài.
- + Dịch vụ chuyển tiền thăm viếng, du lịch, công tác: giúp khách hàng chi trả các chi phí của chuyến đi, yên tâm suốt hành trình ở nước ngoài.
- **Gói sản phẩm dịch vụ dành cho đối tượng khách hàng mục tiêu:**

Ngoài các sản phẩm dịch vụ tài chính riêng lẻ, SHB chú trọng xây dựng các gói sản phẩm dịch vụ dành cho các đối tượng khách hàng mục tiêu nhằm may đo sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu cụ thể của từng nhóm khách hàng, bao gồm:

- + Gói sản phẩm dịch vụ cho khách hàng cá nhân cao cấp (khách hàng tiêu biểu, khách hàng Premier);
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng trẻ thành đạt (SHB Star);
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV các doanh nghiệp lớn: T&T, VNPT, Stavian, Opec, Inmexpharm...
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV Kho bạc nhà nước;
- + Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng và CBNV các bệnh viện hợp tác với SHB;
- + Gói sản phẩm dành cho khách hàng là CBNV các Đơn vị Hành chính sự nghiệp;
- + Gói sản phẩm dành cho các khách hàng là CBNV các Đơn vị trả lương qua SHB.

• **Sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng tổ chức:**

- **Huy động, Dịch vụ và Thanh toán: SHB cung cấp các giải pháp toàn diện về dịch vụ tài khoản dành cho khách hàng doanh nghiệp bao gồm:**

Huy động	+ SHB cung cấp đầy đủ các sản phẩm tiền gửi theo các kỳ hạn linh hoạt theo Ngày, trả lãi đầu kỳ, cuối kỳ hoặc định kỳ. + Tiền gửi I-Saving: Cung cấp giải pháp cho phép khách hàng mở một lúc nhiều tài khoản tiền gửi với kỳ hạn khác nhau trên cùng một Hợp đồng tiền gửi. + Các sản phẩm Kỳ phiếu ghi danh, Chứng chỉ tiền gửi.
Dịch vụ	+ Các sản phẩm về quản lý vốn và dòng tiền: Quản lý tài khoản tập trung, Gói tài khoản quản lý vốn đầu tư nước ngoài, Gói sản phẩm Quản lý dòng tiền (tối ưu các khoản phải thu, phải trả, quản lý thanh khoản). + Các sản phẩm về tài khoản: Dịch vụ trả lương, Tài khoản số đẹp, Thẻ tín dụng Doanh nghiệp.
Thanh toán	+ Dịch vụ thu nộp thuế hải quan điện tử 24/7. + Thu hộ tiền hàng cho Công ty MTV Habeco
Các	+ Gói Combo tài khoản thanh toán dành cho Khách hàng tổ chức (gói tài khoản

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Chương trình/ Gói giải pháp tổng thể các nhu cầu của khách hàng	thanh toán/Combo): khách hàng khi tham gia sẽ được hưởng toàn bộ các ưu đãi khi đạt mức số dư bình quân tài khoản đăng ký. Ưu đãi bao gồm các dịch vụ về thanh toán (ebanking, tại quầy), các dịch vụ về SMS, Tài khoản số đẹp. + Gói Sản phẩm dịch vụ dành cho nhóm khách hàng doanh nghiệp FDI: Miễn phí các dịch vụ Tài khoản thanh toán, Miễn phí đăng ký và các giao dịch trên Ngân hàng điện tử Ebanking, Giảm 50% phí giao dịch thanh toán quốc tế, tặng Tài khoản số đẹp.
--	---

- Tín dụng:

SHB tập trung thiết kế các giải pháp tín dụng nhằm phục vụ nhu cầu của các khách hàng doanh nghiệp theo đặc thù các ngành kinh tế của từng địa bàn/vùng miền. Trong đó, SHB đi sâu vào các giải pháp tổng thể cho toàn bộ hệ sinh thái bao gồm các chuỗi cung cấp/ chuỗi phân phối lấy các khách hàng doanh nghiệp lớn làm trọng tâm.

Nhóm Sản phẩm trọn gói phục vụ các chuỗi cung cấp/ chuỗi phân phối của các khách hàng doanh nghiệp lớn.	+ Sản phẩm tín dụng dành cho các đối tác đầu ra của khách hàng doanh nghiệp lớn: SHB cấp sẵn một Hạn mức tín dụng tín chấp cho khách hàng để chủ động hỗ trợ cho các đối tác đầu ra của mình. Theo đó, các đối tác đầu ra này được SHB cấp tín dụng tín chấp dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đã được thống nhất giữa SHB và khách hàng. + Sản phẩm Tài trợ Nhà cung cấp: SHB cấp tín dụng cho chuỗi các nhà cung cấp đầu vào, dựa trên khoản phải thu của các khách hàng doanh nghiệp là Bên mua hàng đã được lựa chọn với tỷ lệ tài trợ lên đến 95% cho các tài sản bảo đảm là Quyền đòi nợ. + Sản phẩm Tài trợ Nhà thầu cho VNPT-NET: SHB cấp tín dụng tín chấp lên đến 30% Hạn mức, trong đó cơ cấu tài sản bảo đảm là Quyền đòi nợ phát sinh từ bên mua hàng là VNPT-NET lên đến 60% Hạn mức được cấp. Tỷ lệ tín chấp đối với Bảo lãnh dự thầu và Bảo lãnh bảo lãnh lên đến 100%
Sản phẩm tín dụng theo lĩnh vực/ ngành nghề kinh tế	+ Quy định sản phẩm Tài trợ cho Doanh nghiệp Xây lắp + Sản phẩm tài trợ trọn gói dự án điện mặt trời dành cho khách hàng doanh nghiệp + Gói sản phẩm tài trợ Khách hàng doanh nghiệp ngành nhựa + Quy định cấp tín dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu + Tài trợ các Đại lý kinh doanh phân phối ô tô
Nhóm sản phẩm tín dụng cơ bản dành cho phân khúc SME, SME siêu nhỏ	+ Nhóm các Sản phẩm Thấu chi doanh nghiệp + Quy định về sản phẩm Tài trợ gia tăng - Gắn kết bền lâu dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ + Quy định về sản phẩm tài trợ hóa đơn dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ + Quy định sản phẩm cấp tín dụng siêu tốc dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ + Cho vay vốn lưu động trả góp

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

	+ Cho vay doanh nghiệp mua ô tô không bao gồm mục đích kinh doanh + Cho vay doanh nghiệp mua phương tiện vận tải phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, Logistic.
Nhóm sản phẩm về Bảo lãnh	+ SHB cung cấp đầy đủ các loại bảo lãnh bao gồm Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh Bảo hành, Bảo lãnh hoàn tạm ứng, Bảo lãnh thanh toán với tỷ lệ cạnh tranh và điều kiện phát hành linh hoạt
Nhóm sản phẩm về Tài trợ thương mại	+ Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng theo L/C + L/C UPAS (L/C trả chậm được phép thanh toán ngay) + Cho vay bảo đảm bằng Bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức thư tín dụng, nhờ thu + Chiết khấu hối phiếu đòi nợ kèm Bộ chứng từ xuất khẩu

- Dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho KHDN: áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp có tài khoản thanh toán tại SHB

Đối với KHDN, SHB cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng nhằm mang tới cho khách hàng kênh giao dịch thay thế thuận tiện, dễ dàng và bảo mật, bao gồm:

- + Linh hoạt lựa chọn các cấp nhập – kiểm soát – phê duyệt theo quy mô của Doanh nghiệp với phương thức xác thực an toàn cho từng cấp giao dịch.
- + Thanh toán chuyển tiền 24/7 trong và ngoài ngân hàng SHB thuận tiện cho hành trình thanh toán đối tác của Doanh nghiệp.
- + Thanh toán lương và thanh toán lô với số lượng lớn.
- + Thanh toán hóa đơn (điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cáp...), mua vé máy bay/tàu xe, đặt phòng khách sạn ...
- + Truy vấn, sao kê tài khoản, sao kê số phụ trực tuyến.
- + Quản lý dòng tiền, quản lý chuỗi phân phối.
- + Thấu chi, quản lý hạn mức thấu chi tối ưu nguồn vốn của Doanh nghiệp.
- + Sẵn sàng kết nối linh hoạt với hệ thống quản trị của Doanh nghiệp.

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Tại thời điểm 31/12/2024, thị phần của SHB về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành như sau:

Bảng 25: Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng
SHB (tỷ Đồng)	747.478	519.950	499.897
Thị phần SHB so với các ngân hàng trong ngành	4,35%	4,39%	4,49%

Nguồn: Số liệu được tính toán theo dữ liệu từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch UPCOM

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Một số dự án đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

TT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của SHB	Thời điểm triển khai	Thời điểm hoàn thành
1	Dự án nâng cấp hệ thống Corebanking	Đang triển khai	- Bổ sung tính năng, tiện ích nhằm đáp ứng các yêu cầu của nghiệp vụ lõi ngân hàng; - Hệ thống Corebanking với kiến trúc hiện đại, vận hành ổn định nhằm đáp ứng sự tăng trưởng về khách hàng, sản phẩm, giao dịch	Tháng 09/2023	Dự kiến tháng 12/2025
2	Dự án xây dựng hoàn thiện trung tâm dữ liệu, trung tâm dữ liệu dự phòng cho toàn bộ trang thiết bị máy chủ, lưu trữ cơ sở dữ liệu, network	Đang triển khai	Đáp ứng nhu cầu triển khai các giải pháp theo chiến lược CNTT của ngân hàng	Tháng 06/2024	Dự kiến tháng 12/2025
3	Dự án International Payments	Đang triển khai	Tăng năng lực cạnh tranh của dịch vụ chuyển tiền quốc tế chiều đi tại SHB	24/07/2024	Dự kiến tháng 07/2025
4	Dự án Internal Regulation	Đang triển khai	- Xây dựng phương pháp luận, khung quản lý, bộ chính sách,	18/03/2024	Dự kiến tháng 30/05/2025

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

	Management (IRM)	khai	hướng dẫn và biểu mẫu quản lý văn bản - Xây dựng hệ thống công nghệ quản lý văn bản		
--	------------------	------	--	--	--

Nguồn: SHB

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm gần nhất

a) Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 26: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý I/ 2025
Tổng giá trị tài sản	625.655	741.073	18,40%	784.332
Vốn chủ sở hữu	49.873	57.501	15,30%	60.905
Thuế và các khoản phải nộp	1.173	1.598	36,20%	897
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	55.922	49.458	-11,60%	13.530
Thu nhập lãi thuần	18.096	20.538	13,50%	5.310
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	449	1.271	183,10%	332
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	281	86	-69,40%	45
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	-218	-878,60%	56
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	10	4	-60,00%	0
Lãi thuần từ hoạt động khác	411	1.154	180,80%	71
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	737	41	-94,40%	0
Chi phí hoạt động	4.679	5.592	19,50%	1.017
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	15.334	17.284	12,70%	4.797

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.175	5.945	-3,70%	484
Lợi nhuận trước thuế	9.159	11.339	23,80%	4.313
Lợi nhuận sau thuế	7.320	9.132	24,80%	3.450
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	15,82%	17,01%	-	23,32%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB; SHB

Bảng 27: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý I/ 2025
Tổng tài sản	630.501	747.478	18,60%	790.742
Vốn chủ sở hữu	50.098	58.067	15,90%	61.473
Thuế và các khoản phải nộp	1.258	1.716	36,40%	911
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	57.589	50.487	-12,30%	13.868
Thu nhập lãi thuần	19.285	21.232	10,10%	5.544
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	545	1.283	135,40%	329
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	282	86	-69,50%	48
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	-218	-878,60%	56
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	11	3	-72,70%	0
Lãi thuần từ hoạt động khác	434	1.156	166,40%	72
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	743	30	-96,00%	2
Chi phí hoạt động	5.052	5.760	14,00%	1.059
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	16.277	17.812	9,40%	4.992
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7.038	6.243	-11,30%	621
Lợi nhuận trước thuế	9.239	11.569	25,20%	4.371

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Lợi nhuận sau thuế	7.325	9.322	27,30%	3.496
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	15,75%	17,24%	-	23,40%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB; SHB Kết thúc năm 2024, SHB đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất của SHB đạt 747.478 tỷ VND, tăng 18,55% so với cuối năm 2023;
- Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 58.067 tỷ VND, tăng 15,91% so với cuối năm 2023 chủ yếu do sự gia tăng từ nguồn lợi nhuận sau thuế;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 11.569 tỷ VND, tăng 25,22% so với năm 2023 và hoàn thành 102,51% kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả kinh doanh của SHB đạt kết quả tích cực là SHB tiếp tục phát huy các thế mạnh tiềm năng, cùng với sự tăng trưởng hoạt động kinh doanh mạnh mẽ, tích cực, phát triển mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm dịch vụ, đẩy mạnh phát triển khách hàng, thu hồi nợ xấu, áp dụng công nghệ hiện đại hóa ngân hàng giúp nâng cao hiệu quả và năng suất lao động,...

Kết thúc Quý I năm 2025, lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt 4.371 tỷ VND, tăng 8,81% so với cùng kỳ năm 2024.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Bảng 28: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	18.096	90,43%	20.538	89,78%	13,49%	5.310	91,33%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	449	2,24%	1.271	5,56%	183,07%	332	5,71%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	281	1,40%	86	0,38%	-69,40%	45	0,77%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	10	0,05%	4	0,02%	-60,00%	0	0,00%

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	0,14%	-218	-0,95%	-878,57%	56	0,96%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	737	3,68%	41	0,18%	-94,44%	0	0,00%
Lãi thuần từ hoạt động khác	411	2,05%	1.154	5,04%	180,78%	71	1,22%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	20.012	100,00%	22.876	100,00%	14,31%	5.814	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 29: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	19.285	90,42%	21.232	90,07%	10,10%	5.544	91,62%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	545	2,56%	1.283	5,44%	135,41%	329	5,44%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	282	1,32%	86	0,36%	-69,50%	48	0,79%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	11	0,05%	3	0,01%	-72,73%	0	0,00%
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	0,13%	-218	-0,92%	-878,57%	56	0,93%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	743	3,48%	30	0,13%	-95,96%	2	0,03%
Lãi thuần từ hoạt động khác	434	2,03%	1.156	4,90%	166,36%	72	1,19%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	21.328	100,00%	23.572	100,00%	10,52%	6.051	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Cơ cấu lãi thuần hợp nhất của SHB bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi; thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ) có tỷ trọng lớn nhất, đạt 90,07% trong năm 2024, giảm nhẹ so với năm 2023. Lãi thuần từ

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: thanh toán; ủy thác và đại lý; bảo quản tài sản, cho thuê tủ két;...) chiếm tỷ trọng 5,44% trong năm 2024, tăng mạnh từ mức 2,56% của năm 2023. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng.

Trong Quý I năm 2025, theo số liệu hợp nhất, thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tiếp tục chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng, đạt lần lượt 91,62% và 5,44%.

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Bảng 30: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	37.826	28.919	-23,55%	8.221
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (%)	67,64%	58,47%		60,76%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	298	253	-15,10%	36
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ (%)	39,89%	16,60%		9,78%
3	Chi phí hoạt động (chi phí cho nhân viên, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ và chi phí hoạt động khác)	4.679	5.592	19,51%	1.017
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (%)	23,38%	24,44%		17,49%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.175	5.945	-3,72%	484
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (%)	40,27%	34,40%		10,09%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 31: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	38.304	29.255	-23,62%	8.325
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (%)	66,51%	57,95%		60,03%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	368	286	-22,28%	47
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ (%)	40,31%	18,22%		12,50%

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm	Quý I/2025
3	Chi phí hoạt động (chi phí cho nhân viên, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ và chi phí hoạt động khác)	5.052	5.760	14,01%	1.059
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (%)	23,69%	24,44%		17,50%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7.038	6.243	-11,30%	621
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (%)	43,24%	35,05%		12,44%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

SHB kiểm soát chi phí hoạt động hiệu quả, bao gồm chủ động tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi hoặc chi phí thấp, cải thiện chất lượng quản trị rủi ro để giảm thiểu chi phí liên quan đến rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, thúc đẩy quá trình tự động hóa và số hóa và đưa công nghệ tiên tiến vào quản trị Ngân hàng để cải thiện năng lực quản trị.

Trong giai đoạn 2023 – Quý I/2025, các tỷ trọng chi phí trong thu nhập tương ứng có xu hướng giảm đối với tất cả các loại chi phí. Theo số liệu hợp nhất:

- Tỷ trọng Chi phí lãi và các chi phí tương tự trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự giảm từ 66,51% năm 2023 xuống còn 60,03% trong Quý I/2025.
- Tỷ trọng Chi phí hoạt động dịch vụ trong Thu nhập từ hoạt động dịch vụ giảm mạnh từ 40,31% năm 2023 xuống còn 12,50% trong Quý I/2025.
- Tỷ lệ CIR (chi phí/thu nhập) của SHB giảm từ 23,69% năm 2023 xuống còn 17,50% trong Quý I/2025.
- Tỷ trọng Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong Quý I/2025 là 12,44% so với tỷ trọng này năm 2023 là 43,24%.

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 32: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	2.609	55,76%	3.006	53,76%	15,22%	524	51,52%
Chi về tài sản	513	10,96%	570	10,19%	11,11%	141	13,86%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	63	1,35%	79	1,41%	25,40%	7	0,69%

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.074	22,95%	1.437	25,70%	33,80%	211	20,75%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	428	9,15%	499	8,92%	16,59%	133	13,08%
Trích lập/Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro	-7	-0,15%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
Tổng chi phí hoạt động	4.679	100,00%	5.592	100,00%	19,51%	1.017	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 33: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng/ giảm	Quý I/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	2.945	58,29%	3.178	55,17%	7,91%	569	53,73%
Chi về tài sản	580	11,48%	624	10,83%	7,59%	155	14,64%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	68	1,35%	89	1,55%	30,88%	9	0,85%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.036	20,51%	1.368	23,75%	32,05%	192	18,13%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	428	8,47%	499	8,66%	16,59%	134	12,65%
Trích lập/Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro	-5	-0,10%	2	0,03%	-140,00%	0	0,00%
Tổng chi phí hoạt động	5.052	100,00%	5.760	100,00%	14,01%	1.059	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của SHB, Chi phí cho nhân viên, Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ và Chi về tài sản là ba chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất, ở mức 89,76% tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng trong năm 2024 và 86,50% tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng trong Quý I/2025.

Trong đó, chi phí cho nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất và có xu hướng giảm trong giai đoạn năm 2023 - Quý I/2025. Cụ thể, tỷ trọng Chi phí cho nhân viên giảm từ 58,29% năm 2023 xuống 53,73% trong Quý I/2025. Tỷ trọng Chi cho hoạt động quản lý công vụ cao thứ hai trong tổng Chi phí hoạt động, chiếm 18,13% trong Quý I/2025, so với mức 20,51% năm 2023. Tỷ trọng Chi về tài sản có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động, chiếm 14,64% trong Quý I/2025, so với mức 11,48% năm 2023.

c) Ý kiến kiểm toán: Tại BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 và 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (“Tổ chức kiểm toán”), Tổ chức kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần.

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Giai đoạn 2023 - 2024 đã ghi nhận nhiều biến chuyển lớn trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

a) Những nhân tố thuận lợi

- Tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hồi phục tốt, lạm phát có xu hướng giảm dần về mức mục tiêu của các Ngân hàng Trung ương;
- NHNN điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, đảm bảo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định giá trị đồng tiền;
- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, SHB đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường. Thương hiệu SHB ngày càng khẳng định tính chuyên nghiệp và được nhiều người biết đến, quan hệ Ngân hàng ngày càng mở rộng;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho Khách hàng;
- Ngân hàng có nhiều phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, SHB đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2024, tăng trưởng cả về quy mô và chất lượng;
- SHB kiên định chiến lược phát triển bền vững, tập trung cho bán lẻ và số hóa gắn với nỗ lực nâng cao trải nghiệm và giá trị cho khách hàng, và là một trong những Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng nhanh trong nhiều năm qua.

b) Những yếu tố bất lợi

- Căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông và chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine tiếp diễn làm gián đoạn hoạt động thương mại;
- Xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu;
- Biến đổi khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của nền kinh tế;

- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

8. Vị thế của Ngân hàng trong ngành

8.1. Vị thế của SHB trong ngành

Hơn 31 năm đồng hành và phát triển cùng đất nước, SHB trở thành biểu tượng cho sự vươn mình không ngừng nghỉ, luôn có mặt tại những cột mốc quan trọng của đất nước qua mỗi giai đoạn phát triển. Ngân hàng luôn sẵn sàng đồng hành cùng những quyết sách quan trọng của quốc gia: nhận sáp nhập theo đề án cơ cấu lại tổ chức tín dụng; cung ứng vốn thực hiện các công trình hạ tầng trọng điểm, các dự án năng lượng xanh, nông nghiệp sạch; triển khai nhiều gói tín dụng ưu đãi lãi suất hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SHB luôn xác lập chiến lược rõ ràng, có sự khác biệt, phù hợp theo từng giai đoạn, có định hướng lâu dài. Với nền tảng vững vàng và chiều sâu văn hóa, kiên định với định hướng phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả, liên tục nâng cao năng lực quản trị theo chuẩn quốc tế, mô hình hiện đại, SHB ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

Xét về mặt quy mô:

Tính đến 31/12/2024, TTS hợp nhất của SHB đạt 747.478 tỷ VND, thuộc top 9 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM (“NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch”) có TTS lớn nhất. Vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 58.067 tỷ VND, thuộc top 8 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

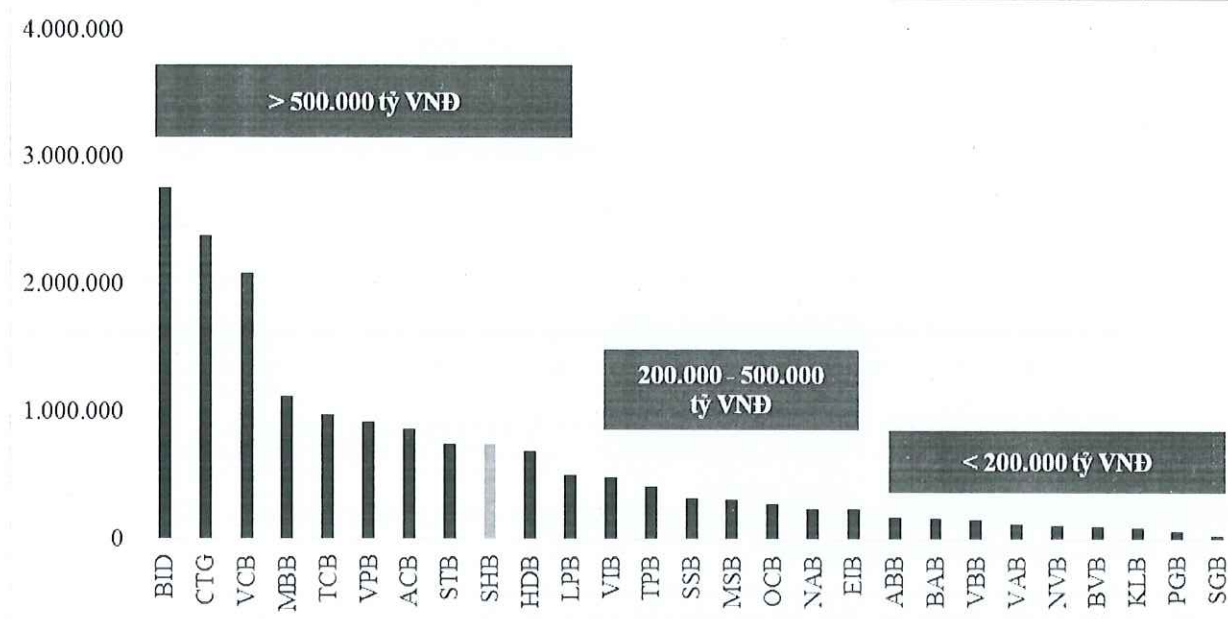
Ngoài ra, SHB nằm trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam VN30, qua đó khẳng định vị thế của Ngân hàng trên thị trường chứng khoán.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của SHB năm 2024 đạt 11.569 tỷ VND, thuộc top 11 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có lợi nhuận cao nhất. NIM hợp nhất của SHB đứng thứ 15 trong nhóm NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch, ở mức 3,30%.

**Biểu đồ 2: TTS của 27 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX
và đăng ký giao dịch trên UPCOM**

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của các ngân hàng

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó

Bảng 34: Vị thế của SHB trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng, %

STT	Ngân hàng	TTS 2024	VCSH 2024	LNTT 2024	NIM 2024	NPL 2024
1	BID	2.760.792	144.911	31.985	2,33%	1,41%
2	CTG	2.385.388	148.505	31.764	2,89%	1,22%
3	VCB	2.085.874	196.209	42.236	2,87%	0,96%
4	MBB	1.128.801	117.060	28.829	4,19%	1,62%
5	TCB	978.799	147.940	27.538	4,24%	1,12%
6	VPB	923.848	147.275	20.013	5,92%	4,20%
7	ACB	864.006	83.462	21.006	3,61%	1,49%
8	STB	748.095	54.972	12.720	3,63%	2,40%
9	SHB	747.478	58.067	11.569	3,30%	2,90%
10	HDB	697.366	56.657	16.730	5,39%	1,93%
11	LPB	508.330	43.338	12.168	3,53%	1,57%
12	VIB	493.158	41.862	9.004	3,75%	3,51%
13	TPB	418.028	37.594	7.600	3,51%	1,52%
14	SSB	325.699	35.003	6.039	3,58%	1,89%
15	MSB	320.148	36.818	6.904	3,65%	2,68%
16	OCB	280.712	31.671	4.006	3,51%	3,17%

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

STT	Ngân hàng	TTS 2024	VCSH 2024	LNTT 2024	NIM 2024	NPL 2024
17	NAB	245.129	19.289	4.545	3,58%	2,33%
18	EIB	239.768	25.099	4.188	2,80%	2,53%
19	ABB	176.713	14.024	744	1,88%	3,74%
20	BAB	165.487	11.782	1.260	2,53%	1,24%
21	VBB	162.855	8.701	1.131	1,92%	2,75%
22	VAB	119.832	8.857	1.086	2,18%	1,37%
23	NVB	118.499	6.093	-5.128	-1,90%	19,54%
24	BVB	103.536	6.155	391	2,54%	3,21%
25	KLB	92.176	6.605	1.112	3,90%	2,02%
26	PGB	73.015	5.166	425	2,64%	2,57%
27	SGB	33.260	4.090	99	2,33%	2,66%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của các ngân hàng

Vị thế của SHB theo đánh giá của tổ chức Moody's Investors Service (Moody's)

Theo công bố mới nhất vào ngày 25/04/2023 của tổ chức đánh giá tín nhiệm quốc tế Moody's, SHB được đánh giá như sau:

SHB đã được Moody's xếp hạng tổ chức phát hành và tiền gửi bằng nội tệ và ngoại tệ dài hạn ở mức B1, đánh giá tín dụng cơ sở B2 (BCA), triển vọng ổn định.

STT	Tiêu chí	Xếp hạng
1	Rủi ro đối tác dài hạn (bằng ngoại tệ)	BA3
2	Rủi ro đối tác dài hạn (bằng nội tệ)	BA3
3	Rủi ro đối tác ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	BA3
4	Rủi ro đối tác ngắn hạn (bằng nội tệ)	BA3
5	Tiền gửi dài hạn (bằng ngoại tệ)	B1
6	Tiền gửi dài hạn (bằng nội tệ)	B1
7	Tiền gửi ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	B1
8	Tiền gửi ngắn hạn (bằng nội tệ)	B1
9	Đánh giá rủi ro đối tác dài hạn	B1
10	Đánh giá rủi ro đối tác ngắn hạn	B1
11	Nhà phát hành dài hạn (bằng ngoại tệ)	B1
12	Nhà phát hành dài hạn (bằng nội tệ)	B1
13	Nhà phát hành ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	B1
14	Nhà phát hành ngắn hạn (bằng nội tệ)	B1

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

15	Đánh giá tín dụng cơ sở	B2
16	Đánh giá tín dụng cơ sở điều chỉnh	B2

Nguồn: Moody's

8.2. Triển vọng phát triển ngành ngân hàng

Một số động lực thúc đẩy triển vọng ngành ngân hàng trong trung - dài hạn bao gồm:

(i) *Tốc độ tăng trưởng GDP được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao*

Theo dự báo của Worldbank, tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 2025 - 2026 dự kiến sẽ nằm trong khoảng 6,3% - 6,6%. Xu hướng gia tăng tín dụng cá nhân gắn liền với tăng trưởng kinh tế và nhu cầu đầu tư tài sản sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng tín dụng toàn ngành trong trung - dài hạn.

(ii) *Định hướng tăng trưởng quy mô vươn tầm thế giới và tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng*

Theo Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 08/08/2018 về Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đưa ra chỉ tiêu phấn đấu tới cuối năm 2025, có ít nhất từ 2 - 3 ngân hàng thương mại nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực Châu Á và 3 - 5 ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài; tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 16,0% - 17,0%. Nhằm thực hiện mục tiêu và chiến lược này, trong các năm qua, các NHTM đã có những chuyển hướng mạnh mẽ trong quy mô tổng tài sản (nhờ tăng trưởng lợi nhuận) và cơ cấu hoạt động bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, hạn chế sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng, giảm thiểu những tác động tiêu cực của nền kinh tế. Cơ cấu thu nhập chuyển dịch sang hướng bền vững hơn khi các nguồn thu của ngân hàng trở nên đa dạng hơn với kinh doanh nguồn vốn, doanh thu thẻ, bảo hiểm, thanh toán, kinh doanh giấy tờ có giá, tư vấn giải pháp kinh doanh, tư vấn quản lý tài sản (wealth management) kinh doanh ngoại tệ...

(iii) *Ứng dụng chuyển đổi số sẽ tạo ra bước phát triển đột phá cho hoạt động kinh doanh ngân hàng*

Cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (được gọi là công nghiệp 4.0), với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật (IOT - Internet of Things), nền kinh tế nhân loại đang bước sang một giai đoạn phát triển mới và ngân hàng là một trong những ngành nghề đầu tiên “phải” chuyển đổi để thích ứng và đột phá trong cách thức vận hành và hoạt động kinh doanh. Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng hiện đại như ngân hàng số, internet banking, mobile banking, ví điện tử, liên kết thanh toán với các trang thương mại điện tử, các công ty cung ứng dịch vụ thanh toán..., các công ty fintech, số hóa toàn

bộ việc thanh toán... góp phần tạo ra doanh thu dịch vụ (phi tín dụng) cho ngân hàng, quyết định vị thế, tính cạnh tranh và phát triển bền vững của hoạt động ngân hàng ngày nay.

Đi đầu trong xu hướng số hóa cũng chính là những ngân hàng có tỷ lệ CASA cao trong hệ thống như Techcombank, Vietcombank, MB Bank, Vietinbank, ACB, TPBank... Với tỷ lệ CASA cao sẽ giúp ngân hàng có chi phí vốn thấp, tăng khả năng cạnh tranh và thị phần, biên lợi nhuận cao hơn và có dư địa phát triển nhiều sản phẩm mới, giảm thiểu rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng, từ đó tăng sức bật lợi nhuận toàn hệ thống.

(iv) Chính sách tiền tệ linh hoạt

Chính sách tiền tệ của NHNN hướng đến mục tiêu ưu tiên cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững; tăng tính độc lập của NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ.

Điều hành chính sách tiền tệ chuyển dần từ điều hành theo khối lượng tiền sang chủ yếu điều hành theo giá; sử dụng công cụ gián tiếp, tiến tới dỡ bỏ dần các biện pháp hành chính về lãi suất khi điều kiện cho phép; tiếp tục điều hành nghiệp vụ thị trường mở theo hướng là công cụ chủ yếu điều tiết vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng, nhằm đạt được mục tiêu chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

NHNN đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế để có những điều chỉnh kịp thời trong các biện pháp nhằm ổn định mặt bằng lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, và hỗ trợ tăng trưởng cho nền kinh tế.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Để có thể vươn lên nhóm dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam, rút ngắn khoảng cách về quy mô với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, SHB liên tục thiết lập và thực thi các kế hoạch phát triển tận dụng lợi thế, đặc thù riêng để đạt mục tiêu tăng trưởng mạnh về tổng tài sản, lợi nhuận, huy động vốn và dư nợ tín dụng... Đồng thời, SHB cũng chú trọng các vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động ngân hàng thông qua công tác quản trị cũng như điều hành hệ thống theo các chuẩn mực quốc tế, hướng đến mô hình hoạt động hiện đại, cạnh tranh, bền vững.

Mặt khác, SHB định hướng xây dựng một thương hiệu mạnh trên cơ sở phát huy nội lực, hoạt động minh bạch và gần xã hội trong kinh doanh. Ngân hàng luôn đề cao tính minh bạch trong hoạt động nhằm xây dựng và củng cố niềm tin từ khách hàng và cổ đông, làm tiền đề cho sự phát triển trong tương lai. Từng bước, SHB đã và đang xây dựng nền tảng, định hướng, chiến lược tương thích với xu hướng phát triển chung của ngành, sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Ngân hàng

SHB luôn coi “*Con người là chủ thể*”. Đây cũng chính là một trong 4 trụ cột chiến lược quan trọng của ngân hàng trên hành trình chuyển đổi. Theo đó, SHB triển khai các chính sách nhân sự nhằm phát huy tối đa nguồn lực con người, làm điểm tựa cho sự phát triển của ngân hàng. Số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) của SHB đến thời điểm 31/03/2025 là 6.703 người.

Bảng 35: Số lượng lao động tại thời điểm 31/03/2025

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo giới tính	6.703	100,00
Nam	2.948	43,98
Nữ	3.755	56,02
II. Phân loại theo trình độ	6.703	100,00
Tiến sĩ	5	0,07
Thạc sĩ	541	8,07
Đại học	5.393	80,46
Cao đẳng	210	3,13
Trung cấp	71	1,06
Trung học phổ thông trở xuống	483	7,21
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	6.703	100,00
Cán bộ quản lý	5.531	82,52
Chuyên viên/Nhân viên	1.172	17,48

Nguồn: SHB

Nguồn nhân lực của SHB trong thời gian qua đã và đang không ngừng tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng để đáp ứng chiến lược hoạt động kinh doanh. SHB cũng đang hướng tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, đảm bảo nguồn cán bộ quản lý, chuyên gia... có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo bài bản về lĩnh vực tài chính ngân hàng, có kiến thức về kinh tế thị trường tương đối toàn diện, có trình độ ngoại ngữ, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao.

9.2. Chính sách đối với người lao động

Bên cạnh chế độ lương thưởng hấp dẫn, SHB thực hiện chính sách lao động ưu việt nhằm đảm bảo sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của người lao động.

➤ **Phúc lợi cạnh tranh**

SHB thấu hiểu và quan tâm tới đội ngũ CBNV bằng những phúc lợi thiết thực và cạnh tranh so với các ngân hàng và doanh nghiệp khác trên thị trường. Phúc lợi dành cho cán bộ nữ, cấp bậc nhân viên, lãnh đạo đều có những bước phát triển vượt trội được cải thiện theo từng năm, là giá trị số 1 thu hút người lao động.

➤ *Môi trường nhân văn, có trách nhiệm*

Gia nhập SHB, người lao động sẽ được làm việc trong môi trường nhân văn, đề cao con người xuất phát từ giá trị cốt lõi 6 chữ T trong đó lấy chữ “Tâm” làm gốc và văn hóa doanh nghiệp, đề cao tính trách nhiệm, tận tâm của cán bộ - nhân viên, từ đó giúp các cán bộ - nhân viên có thể yên tâm cống hiến và phát triển sự nghiệp bền vững. SHB hiểu rằng, sau tất cả, tinh thần nhân văn của tổ chức mới là động lực lớn nhất để người lao động cống hiến và gắn bó lâu dài, vượt lên trên những giá trị về vật chất.

➤ *Ngân hàng tư nhân có tầm nhìn quốc tế*

Với tầm nhìn vươn tầm khu vực và quốc tế, SHB đã và đang hợp tác với những tổ chức, thương hiệu hàng đầu thế giới như Amazon, CLB bóng đá Barcelona, CLB bóng đá Manchester City và nhiều thương hiệu lớn khác. SHB cũng là ngân hàng TMCP đầu tiên có văn phòng tại ASEAN. Thử thách bản thân và ghi danh với các dự án hợp tác lớn là cơ hội cho người lao động khi gia nhập SHB.

➤ *Đồng hành cùng khát vọng của doanh nhân Đỗ Quang Hiển*

Phần lớn người lao động quan niệm rằng “Làm việc ở đâu không quan trọng bằng làm việc với ai?” Tại SHB, người lao động được truyền cảm hứng và đồng hành cùng khát vọng cống hiến cho tầm vóc quốc gia của Chủ tịch Đỗ Quang Hiển. “Đã là doanh nhân thì phải luôn có tư tưởng làm giàu. Song, không phải làm giàu bằng mọi giá, mà bằng cái tâm, sự cống hiến và phải có lòng tự tôn dân tộc” là quan điểm của Chủ tịch Đỗ Quang Hiển, từ đó khơi gợi sự cống hiến và lòng tự tôn dân tộc ở mỗi cán bộ nhân viên SHB. Nhiều nhân tài cũng đã đến và đồng hành cùng SHB từ cảm hứng đầy trách nhiệm đó.

➤ *Chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, an toàn và phúc lợi*

Điểm nổi bật khiến chính sách lương thưởng của SHB trở nên khác biệt và thu hút là chính sách trả lương “net” thay vì lương “gross”. SHB đang chi trả thay người lao động các khoản trích nộp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và công đoàn phí. Chính sách không chỉ giúp đảm bảo và cải thiện thu nhập cho người lao động mà còn thể hiện trách nhiệm của Ngân hàng với cán bộ - nhân viên.

Bên cạnh đó, các chế độ chăm sóc sức khỏe cho người lao động, chính sách phụ cấp đặc thù hay cấp phát đồng phục cũng được SHB chú trọng. Hàng năm, SHB tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên định kỳ tại các bệnh viện hàng đầu, được cấp phát bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện theo chương trình SHB Care liên kết với Công ty bảo hiểm BSH với các chính sách và giá trị bảo hiểm ngày càng có lợi cho người lao động.

Đối với chế độ phụ cấp đặc thù như phụ cấp độc hại, phụ cấp trang điểm đối với bộ phận ngân quỹ, kiểm đếm tiền, giao dịch trực tiếp với khách hàng; phụ cấp kiêm nhiệm, thu hút đối với lao động có năng lực tốt; phụ cấp xăng xe và gửi xe... SHB thực hiện chi trả hàng tháng đến 100% người lao động; bố trí xe ô tô riêng đưa đón đi làm việc và công tác bên ngoài đối với lãnh đạo Hội sở và Chi nhánh.

Ngoài việc thực hiện chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, SHB còn áp dụng nhiều chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại phù hợp với nghiệp vụ công tác; tổ chức nghỉ mát hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên; chính sách cho nhân viên vay ưu đãi mua nhà, ô tô, cho vay tiêu dùng với lãi suất ưu đãi,...; các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, tổ chức hội thao bóng đá và hội diễn văn nghệ quần chúng cũng liên tục được tổ chức.

➤ ***Hoạt động đào tạo và phát triển***

Phát triển nguồn nhân lực là một trong bốn trụ cột chiến lược của SHB. SHB tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp, chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao với kế hoạch đào tạo được xây dựng trên 3 yếu tố:

- Chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng;
- Phân tích xu thế phát triển của thị trường tài chính;
- Dựa trên khảo sát nhu cầu hàng năm của cán bộ nhân viên.

Với chủ trương mọi người lao động đều có cơ hội được đào tạo và phát triển nên mọi chi phí các khóa đào tạo do SHB tổ chức cũng như các khóa đào tạo do SHB cử tham dự đều được ngân hàng tài trợ.

10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

10.1. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của SHB được quy định tại Điều lệ của SHB, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.

Bảng 36: Tình hình chi trả cổ tức của SHB

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần	Tình trạng thanh toán	Ghi chú
2020	10,5%	Đã thanh toán	Bằng cổ phiếu
2021	15%	Đã thanh toán	Bằng cổ phiếu
2022	18%	Đã thanh toán	Bằng cổ phiếu
2023	16%	Đã thanh toán	5% bằng tiền mặt 11% bằng cổ phiếu
2024	18%	Đang thực hiện	5% bằng tiền mặt (ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10/06/2025; ngày thanh toán là ngày 20/06/2025) 13% bằng cổ phiếu Cụ thể: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 thông qua Tờ trình số 01/2025/TTr-HDQT ngày 31/03/2025 của HDQT SHB về việc Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. Theo đó, tỷ lệ chia cổ tức là 18% (gồm 5% cổ tức bằng tiền mặt và 13% cổ tức bằng cổ phiếu).

Nguồn: SHB

10.2. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

❖ Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu

Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN và/hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng quy mô vốn hoạt động, tùy từng thời điểm SHB có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ Thứ tự ưu tiên thanh toán

Các Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị phá sản, giải thể. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Nguyên tắc hạch toán kế toán

SHB lập và trình bày báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các TCTD hoạt động tại Việt Nam. SHB có báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất.

Những nguyên tắc chính:

- Năm tài chính của Ngân hàng và các công ty con bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng và các công ty con. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị;
- Ngoại tệ:
 - o Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó. Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân

gia quyền mua và bán của ngày kết thúc năm tài chính để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

- o Đồng tiền báo cáo của SHB Campuchia là Đô la Mỹ. Đồng tiền báo cáo của SHB Lào là Kíp Lào (“LAK”). Để phục vụ cho mục đích hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, tài sản và công nợ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính, tài khoản vốn được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngày phát sinh giao dịch góp vốn. Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm thanh lý khoản đầu tư.

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 của NHNN, Ngân hàng cần thực hiện trích dự phòng cụ thể đối với các khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này như sau:

- Đến 31/12/2023: tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung

Theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 của Chính Phủ (“Nghị định 86”), dự phòng

chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN (“Thông tư 31”).

Các công ty con ở nước ngoài thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của nước sở tại.

Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và/hoặc các công ty con mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Tiền lãi bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thực thu. Cổ tức trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thực thu hoặc tại thời điểm có quyết định pháp lý về cổ tức được hưởng.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 31 được trích lập dự phòng theo Thông tư 31. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 31 được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

Chứng khoán đầu tư:

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn mà Ngân hàng và/hoặc các công ty con nắm giữ dưới 11% quyền biểu quyết với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và đồng thời Ngân hàng và/hoặc các công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 31 được trích lập dự phòng theo Nghị định 86. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 31 được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và/hoặc các công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và/hoặc các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 31 được trích lập dự phòng theo Nghị định 86. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 31 được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Thuế:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế; đồng thời, Ngân hàng và các công ty con có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam và các nước sở tại đối với công ty con ở nước ngoài.

❖ Trích khấu hao tài sản

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Bảng 37: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	03-05

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (số năm)
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị văn phòng	03-07
Tài sản cố định hữu hình khác	04-07
Phần mềm máy tính	03-08
Tài sản cố định vô hình khác	04-10

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không phải trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp quyền sử dụng đất từ 30 - 46 năm.

❖ **Trích lập các quỹ**

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế (LNST) của Ngân hàng dựa trên các lệ quy định theo trình tự sau:

Bảng 38: Trích lập các quỹ

Loại	Tỷ lệ phần trăm của LNST	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% LNST	100% Vốn điều lệ của Ngân hàng
Quỹ dự phòng tài chính	10% LNST	Không quy định
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ	
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Trích theo quyết định của ĐHĐCĐ	

Các quỹ dự trữ tại các công ty con được trích lập theo chính sách của Ngân hàng trừ các ngân hàng sau được trích lập theo quy định pháp luật có liên quan:

Ngân hàng TNHH MTC Sài Gòn – Hà Nội Lào (“SHB Lào”): quỹ dự trữ theo luật định, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác theo Luật Doanh nghiệp sửa đổi số 46/NA ngày 26/12/2013 và Luật Ngân hàng Thương mại sửa đổi năm 2018 do Quốc hội Lào ban hành ngày 07/12/2018 với tỷ lệ như sau:

- Quỹ dự trữ theo luật định: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 50% vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác: theo quyết định của Ban Giám đốc SHB Lào.

Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia (“SHB Campuchia”): không có quy định về trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc và theo phê duyệt của chủ sở hữu.

❖ **Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước****Bảng 39: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/03/2025
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	13	50	24	58	16
Thuế TNDN	1.136	1.506	863	1.506	863
Các loại thuế khác	24	41	259	283	18
Tổng	1.173	1.598	1.146	1.847	897

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB; SHB

Bảng 40: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/03/2025
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	14	51	26	60	17
Thuế TNDN	1.218	1.620	774	1.520	874
Các loại thuế khác	26	44	267	291	20
Tổng	1.258	1.716	1.067	1.871	911

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB; SHB

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 41: Một số chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng (Công ty mẹ)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	36.194	36.629	40.657
Tổng tài sản có	tỷ Đồng	625.655	741.103	784.332
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	11,84%	11,48%	11,37%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Huy động khách hàng	tỷ Đồng	444.628	540.317	582.057
Dư nợ cho vay khách hàng	tỷ Đồng	424.701	506.113	554.243
Dư nợ hoạt động mua nợ	tỷ Đồng	-	-	-
Doanh số thu nợ khách hàng (**)	tỷ Đồng	-	-	-
Nợ quá hạn	tỷ Đồng	21.078	18.086	16.553
Nợ khó đòi	tỷ Đồng	12.633	13.610	14.847
Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn) (***)	%	26,07%	23,62%	27,88%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	-	-	-
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	4,27%	2,91%	2,89%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	2,61%	2,22%	2,58%
3. Khả năng thanh toán				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (****)	%	19,66%	16,66%	16,94%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VND) (****)	%	150,45%	103,41%	87,87%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (ngoại tệ) (****)	%	-916,30%	680,97%	-117,59%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,07%	23,62%	27,88%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	77,58%	76,58%	79,33%

Nguồn: SHB

Bảng 42: Một số chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	36.194	36.629	40.657
Tổng tài sản có	tỷ Đồng	630.501	747.478	790.742
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	12,20%	11,82%	11,69%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Huy động khách hàng	tỷ Đồng	447.503	544.108	580.484
Dư nợ cho vay khách hàng	tỷ Đồng	438.464	519.950	567.948

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Dư nợ hoạt động mua nợ	tỷ Đồng	-	-	-
Doanh số thu nợ khách hàng (**)	tỷ Đồng	-	-	-
Nợ quá hạn	tỷ Đồng	21.772	20.445	19.945
Nợ khó đòi	tỷ Đồng	13.239	15.065	16.313
Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn) (***)	%	26,07%	23,62%	27,88%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	-	-	-
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	4,36%	3,21%	3,32%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	2,70%	2,40%	2,74%
3. Khả năng thanh toán				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (****)	%	19,66%	16,66%	16,94%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VND) (****)	%	150,45%	103,41%	87,87%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (ngoại tệ) (****)	%	-916,30%	680,97%	-117,59%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,07%	23,62%	27,88%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	77,58%	76,58%	79,33%

Nguồn: SHB

Lưu ý:

(*) Chỉ tiêu này được SHB áp dụng theo quy định Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

(**) Doanh số thu nợ khách hàng là giá trị các khoản vay đáo hạn, nợ quá hạn thu hồi được từ đầu kỳ đến thời điểm báo cáo; bao gồm cho vay, thẻ và trái phiếu doanh nghiệp.

(***) Chỉ tiêu “Hệ số sử dụng vốn”: tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (theo quy định thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019).

(****) Các tỷ lệ về khả năng thanh toán này của SHB được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

SHB luôn đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Luật các Tổ chức tín dụng từng thời kỳ.

12. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên HĐQT

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**Bảng 43: Danh sách Hội đồng Quản trị tại ngày 30/04/2025**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Thái Quốc Minh	Thành viên HĐQT
4	Bà Ngô Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Ông Phạm Viết Dân	Thành viên HĐQT
6	Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Phan Đăng Tuất	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: SHB

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

12.1.1. Ông Đỗ Quang Hiến - Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001062048690
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vật lý, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2022 - Nay	Giám đốc Vận hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2015 - 2021	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông Vận tải
2013 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2008 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2008 - 2018	Chủ tịch HĐQT	Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn – Hà Nội
2005 - 2008	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
1993 - 2022	Chủ tịch HĐQT kiêm	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	Tổng Giám đốc	
1988 - 1993	Kỹ sư vật lý/Cán bộ Xí nghiệp Công nghệ Quang học	Viện Nghiên cứu Công Nghệ Quốc Gia
1987 - 1988	Kỹ sư vật lý vật lý Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Công ty Điện tử Hà Nội (Hanci)
1984 - 1987	Kỹ sư vật lý vô tuyến Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Xí nghiệp sửa chữa máy thu hình

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc vận hành, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 110.764.027 cổ phần, tương ứng 2,72% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 692.705.102 cổ phần, tương ứng 17,04% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của DHDCTD, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.1.2. Ông Đỗ Quang Vinh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001089000968
- Năm sinh: 1989
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Quản trị
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2023 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
2022 - 2024	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 - Nay	Giám đốc Khối Ngân hàng số	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 - 2023	Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2020 - Nay	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2013 - Nay	Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng số kiêm Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
 - Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM
 - Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 112.535.582 cổ phần, tương ứng 2,77% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 608.302.703 cổ phần, tương ứng 14,96% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.1.3. Ông Thái Quốc Minh – Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001060014196
- Năm sinh: 1960
- Trình độ học vấn: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
------------------	----------------	---------------------

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2018 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2017 - 2018	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2023	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Hữu nghị Việt Nam – Mỹ La Tinh
2014 - 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Sắc đẹp phụ nữ
2009 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Công nghệ và Phát triển Hạ tầng Viễn thông Unitel
2008 - 2018	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex
2006 - 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân VINA
2009 - 2017	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel (hiện nay là SHB FC)
2008 - 2014	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần đầu tư Thùy Dương
2008 - 2014	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam
2006 - 2015	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Phát triển Vina Phú Gia
2006 - 2008	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
2005 - 2006	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân Hàng Tân Việt (sau đổi tên thành Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương)
2002 - 2005	Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, trưởng phòng Thu xếp vốn và tín dụng doanh nghiệp	Công ty Tài chính Dầu khí
1996 - 2002	Phó trưởng phòng Quan hệ Quốc tế Phó trưởng phòng Phòng Tổng hợp thanh Toán	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1993 - 1996	Học thạc sĩ Quản trị Kinh	Đại học Tổng hợp Edith Cowan Australia

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	doanh	
1987 - 1993	Chuyên viên phòng Quan hệ Quốc tế	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1985 - 1987	Nghĩa vụ quân sự	Sư đoàn 304, quân đoàn 2
1984 - 1985	Chuyên viên phòng vay nợ, viện trợ	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 196.098 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.1.4. Bà Ngô Thu Hà – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001173047668
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: 11/11
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
09/2022 - Nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
07/2022 - 08/2022	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2017 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2014 - 2015	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2012 - 2022	Ủy viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đồng Xuân
2012 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần chứng khoán SHB (SHBS)
2011 - 2022	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2009 - 2011	Phó phòng phụ trách/ Trưởng phòng KHTH	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2009	Trợ lý TGD	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
1999 - 2008	Chuyên viên thẩm định dự án Phòng đầu tư phát triển	Công ty Điện toán và Truyền số liệu - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông VN
1994 - 1999	Chuyên viên	Ngân hàng Tokyo Mitsubishi – Hà Nội (VPĐD và Chi nhánh)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 3.168.324 cổ phần, tương ứng 0,08% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.1.5. Ông Phạm Viết Dân - Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 037074007918
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2020 - 2023	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2022	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2016	Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro, Khối khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam
2000 - 2007	Phó Phòng	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
1995 - 2000	Sinh viên	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh
1992 - 1995	Nhân viên	Công ty Phong Lan

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 156.209 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 17.321 cổ phần, tương ứng 0,0004% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.1.6. Ông Đỗ Văn Sinh - Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001061016230
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2016 - 2021	Ủy viên Thường trực Ủy Ban Kinh tế	Quốc hội
2004 - 2016	Phó Tổng Giám đốc	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1995 - 2004	Trưởng ban kế hoạch tài chính	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1987 - 1995	Kế toán trưởng	Đài Tiếng nói Việt Nam
1984 - 1987	Trợ lý Ban tài vụ	Trường sĩ quan tài chính Bộ Quốc phòng
1983 - 1984	Chuyên viên	Bộ Tài chính

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 156.209 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.1.7. Ông Phan Đăng Tuất - Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 042057000063
- Năm sinh: 1957
- Trình độ học vấn: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư, Tiến sỹ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
22/04/2025 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
03/2022 - Nay	Chủ tịch	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
03/2018 - 03/2022	Phó Chủ tịch	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
09/2015 - 06/2017	Vụ trưởng – Thường trực	Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương
05/2012 - 08/2015	Chủ tịch HĐQT (Người Quản lý)	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
12/2009 - 04/2012	Thành viên HĐQT (Người Quản lý)	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
06/2003 - 04/2012	Viện trưởng	Viện nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương)
10/1986 - 05/2003	Giảng viên	Đại học Kinh tế Quốc dân

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch - Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thủ lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.2. Danh Sách BKS**Bảng 44: Danh sách thành viên BKS tại ngày 30/04/2025**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng BKS
2	Bà Lê Thanh Cẩm	Thành viên BKS
3	Ông Vũ Xuân Thủy Sơn	Thành viên BKS

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

12.2.1. Ông Phạm Hòa Bình - Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 092061000628
- Năm sinh: 1961

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành Tài chính - Tín dụng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/2012 - Nay	Trưởng BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2009 - 2012	Thành viên BKS, Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2006 - 2009	Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2003 - 2006	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, Chi nhánh Cần Thơ
1991 - 2003	Phó Chánh thanh tra Chánh Thanh tra	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cần Thơ
1990 - 1991	Nhân viên Phòng Tổng hợp-Quản lý tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cần Thơ

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 243.880 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.2.2. Bà Lê Thanh Cẩm – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 042167002983
- Năm sinh: 1967
- Trình độ học vấn: 11/11
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2017 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2013 - 2020	Phó Giám đốc Khối KTNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2009 - 2013	Phó Giám đốc Quản lý rủi ro; Giám đốc Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Hàng Hải
2007 - 2009	Giám đốc Khối KD tiền tệ ngoại hối; Giám đốc Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP An Bình
1991 - 2007	Trưởng phòng KD ngoại tệ	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 88.800 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.2.3. Ông Vũ Xuân Thủy Sơn - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 035081005117
- Năm sinh: 1981
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2022	Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2012 - 2016	Phó Trưởng Ban Kiểm toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	nội bộ	
2011 - 2012	Phó Trưởng phòng Kiểm toán KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2011 - 2012	Phó Trưởng phòng KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2010 - 2011	Quản trị viên	Ngân hàng TMCP Á Châu
2007 - 2010	Trưởng Bộ phận KTNB phía Bắc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2004 - 2007	Kiểm toán viên	Ngân hàng TMCP Á Châu
2003 - 2004	Nhân viên Hỗ trợ tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 88.800 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCD
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.3. Danh sách Ban TGD và Kế toán trưởng**Bảng 45: Danh sách Ban TGD và Kế toán trưởng tại ngày 30/04/2025**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Ngô Thu Hà	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Đỗ Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
7	Bà Ngô Thị Vân	Kế toán Trưởng

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

12.3.1. Bà Ngô Thu Hà - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT*Xem tại Thông tin Thành viên HĐQT***12.3.2. Ông Đỗ Quang Vinh - Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT***Xem tại Thông tin Thành viên HĐQT***12.3.3. Ông Đỗ Đức Hải - Phó Tổng Giám đốc**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001082037755
- Năm sinh: 1982
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBNDH	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Campuchia
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBNDH	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Lào
2023 - 04/2024	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - 2023	Giám đốc Khối Ngân hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2021 - 2023	Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2023	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Vạn Phúc
2010 - 2012	Phó Giám đốc/Giám đốc	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Chi nhánh Vạn Phúc
2008 - 2010	Phó phòng/Trưởng phòng phát triển kinh doanh	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Sở Giao dịch Hà Nội
2004 - 2008	Chuyên viên Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBND, Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia
- Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBND, Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 197.411 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.3.4. Ông Lê Đăng Khoa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 010074000104
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
4/2009 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
12/2019 - 06/2023	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
05/2019 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
05/2014 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama
03/2014 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
03/2014 - 2024	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 03/2009	Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và Ngoại hối	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 - 2006	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn vốn và	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	Ngoại hối	
2003 - 2005	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn Vốn	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2000 - 2003	Chuyên viên phân tích tổng hợp và Chuyên viên nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Quốc tế
1995 - 2000	Chuyên viên Kế toán Tổng hợp	Công ty Nhiếp ảnh trung ương

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
 - Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama
 - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 195.659 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 59.479.134 cổ phần, tương ứng 1,46% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.3.5. Ông Nguyễn Huy Tài - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 010074000055
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính tín dụng, Học viện Ngân hàng; Cử nhân Luật, ĐH Luật Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2013 - 21/10/2021 17/01/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2009 - 21/10/2021 17/01/2023 - Nay	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội
2020 - 2023	Giám đốc Khối Quản lý và xử lý nợ có vấn đề	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2009	Phó Giám đốc Trưởng phòng Giao dịch Ba Đình	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội
2005 - 2007	Giám đốc Phòng giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, Chi nhánh Hà Nội, PGD Phương Mai
2001 - 2005	Trưởng phòng Giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, Chi nhánh Hà Nội, PGD Phương Mai
01/2001 - 11/2001	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1997 - 2000	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 195.659 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.3.6. Bà Ninh Thị Lan Phương - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 033174000585
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
------------------	----------------	---------------------

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2016 - Nay	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2012	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2008	Phó Trưởng phòng KTTK	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2003 - 2007	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng Liên doanh Việt Thái, Chi nhánh Hà Nội
2001 - 2003	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Hội sở chính
1997 - 2001	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1996 - 1997	Nhân viên Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 325.344 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có

12.3.7. Bà Ngô Thị Vân – Kế toán trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001180022833
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
------------------	----------------	---------------------

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2014 - Nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2015	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Trung tâm kinh doanh
2012 - 2014	Phó Trưởng Ban tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
06/2012 - 12/2012	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2010 - 2012	Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2010	Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2006 - 2008	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 - 2006	Chuyên viên Kế toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2002 - 2005	Kiểm soát viên	Công ty TNHH Denso VN

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 33.300 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB (tại thời điểm 31/03/2025): 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT, cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với SHB: Không có.

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 46: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
----------------	-------------------	-------------------	-------------------

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	640	185	455	678	202	476	680	207	473
Máy móc thiết bị	232	200	32	205	140	65	205	141	64
Phương tiện vận tải	198	136	62	210	130	80	208	131	77
Thiết bị, dụng cụ quản lý	407	229	178	436	236	200	453	246	207
TSCĐ hữu hình khác	2	0	2	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	1.479	750	729	1.529	707	822	1.546	725	821

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 47: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	667	208	459	707	227	480	709	233	476
Máy móc thiết bị	241	208	33	214	149	65	214	150	64
Phương tiện vận tải	204	141	63	215	135	80	213	136	77
Thiết bị, dụng cụ quản lý	415	236	179	444	243	201	461	254	207
TSCĐ hữu hình khác	2	1	1	1	0	1	1	0	1
Tổng cộng	1.529	794	735	1.581	754	827	1.598	772	826

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

13.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 48: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353
Phần mềm máy vi tính	440	304	136	478	334	144	481	341	140
TSCĐ vô hình khác	20	16	4	20	17	3	20	17	3
Tổng cộng	4.820	326	4.494	4.859	358	4.501	4.861	365	4.496

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2025 của SHB

Bảng 49: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353
Phần mềm máy vi tính	443	306	137	481	336	145	483	343	140
TSCĐ vô hình khác	23	19	4	23	20	3	23	20	3
Tổng cộng	4.826	332	4.494	4.864	363	4.501	4.867	370	4.497

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SHB

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1 Chỉ tiêu

Bảng 50: Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025		Năm 2026
		Kế hoạch dự kiến (*)	% tăng/giảm so với năm 2024	
Doanh thu thuần (tỷ)	23.572	27.948	18,6%	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, Cấp có thẩm quyền của SHB chưa phê

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Đồng) (**)				duyet và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2026
LNST (tỷ Đồng)	9.322	11.600	24,4%	
Vốn điều lệ (tỷ Đồng)	36.629	45.942	25,4%	
Vốn chủ sở hữu (tỷ Đồng)	58.067	67.502	16,3%	
Tỷ lệ LNST trên Doanh thu thuần (%)	39,5%	41,5%	2,0%	
Tỷ lệ LNST trên Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	17,2%	18,5%	1,3%	
Tỷ lệ chia cổ tức	18% (***)	-	-	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCD ngày 22/04/2025 thông qua Tờ trình số 02/BC-BĐH-ĐHĐCD ngày 31/03/2025 của Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025; SHB

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch nói trên có thể sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường của các cấp có thẩm quyền của Ngân hàng.

(**) Là Thu nhập lãi thuần.

(***) Theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCD ngày 22/04/2025 thông qua Tờ trình số 01/2025/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025 của HĐQT SHB về việc Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. Theo đó, tỷ lệ chia cổ tức là 18% (gồm 5% cổ tức bằng tiền mặt và 13% cổ tức bằng cổ phiếu).

Kết thúc 03 tháng đầu năm 2025, SHB đã ghi nhận 5.544 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 3.496 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 19,84% và 30,14% kế hoạch năm 2025.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận

Để đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2025, SHB xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
- Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
- Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của SHB, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;

- Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu < 3%;
- Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động.
- Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.

Kết thúc 03 tháng đầu năm 2025, SHB đã ghi nhận 5.544 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 3.496 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 19,84% và 30,14% kế hoạch năm 2025.

14.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 thông qua tờ trình số 02/2025/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025 của HĐQT SHB về việc tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu, SHB dự kiến trình kế hoạch tăng vốn điều lệ lên dự kiến 45.942.296.080.000 VND. Cụ thể:

- Vốn điều lệ của SHB tại thời điểm 31/12/2024: 36.629.085.420.000 VND;
- Vốn điều lệ của SHB tại thời điểm 31/03/2025: 40.657.470.020.000 VND;
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 13% (theo mệnh giá): 5.284.826.060.000 VND;
- Mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 45.942.296.080.000 VND.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 sau khi được UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận của SHB.

SHB có mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch phủ sóng khắp cả nước. Song song với đó, Ngân hàng đã bắt kịp xu thế số hóa trong công nghệ ngân hàng để nhanh chóng tận dụng lợi thế sẵn có. Chúng tôi cũng đánh giá cao đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết đối với sự phát triển của SHB.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của SHB, SHS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng dự kiến cho năm 2025 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà Đầu Tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của SHB.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

16.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 31/03/2025, số dư trái phiếu SHB đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 8.799 tỷ VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 2.351 tỷ VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 6.448 tỷ VND

Bảng 51: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2024	Giá trị tại 31/03/2025
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	-	-
	Từ 5 năm trở lên	2.448	4.799
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	4.000	4.000
	Từ 5 năm trở lên	-	-
Tổng		6.448	8.799

Nguồn: SHB

16.2. Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 52: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 31/03/2025 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	42
2	Cam kết giao dịch hối đoái	25.598
	Cam kết mua ngoại tệ	315
	Cam kết bán ngoại tệ	831
	Cam kết giao dịch hoán đổi	24.452
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	16.288

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
4	Bảo lãnh khác	19.763

Nguồn: BCTC Quý I năm 2025 của SHB

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, theo thông tin và tin tưởng tốt nhất của SHB, không có bất kỳ thông tin, tranh chấp kiện tụng nào liên quan tới SHB mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. Tên Trái Phiếu

Trái phiếu SHB phát hành ra công chúng năm 2024 (SHBC7Y202401)

2. Loại Trái Phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3. Tính chất Trái Phiếu

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị phá sản, giải thể. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- Trong thời hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát.

4. Mã Trái Phiếu

Mã Trái Phiếu niêm yết: **SHB125010**

5. Mệnh giá

Mỗi Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)

6. Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết dự kiến

23.506.190 (Hai mươi ba triệu năm trăm linh sáu nghìn một trăm chín mươi) Trái Phiếu

7. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá dự kiến

2.350.619.000.000 VND (Hai nghìn ba trăm năm mươi tỷ sáu trăm mười chín triệu Đồng)

8. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không bị hạn chế chuyển nhượng

9. Thời Hạn Trái Phiếu

- Ngày Phát Hành: 28/02/2025
- Ngày Đáo Hạn: 28/02/2032
- Thời hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm

10. Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điều 10 c) dưới đây, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền (mà không phải nghĩa vụ) mua lại (i) một phần Trái Phiếu đang lưu hành vào bất kể ngày nào kể từ ngày tròn 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành và (ii) toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành vào bất kể ngày nào kể từ ngày tròn 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành (sau đây gọi chung là “Mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại”).
- b) Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại Trái Phiếu trước hạn theo Điều Khoản 10 (a) (i), mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định: (i) có bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hay không; và (ii) số lượng Trái Phiếu đăng ký bán lại trong số Trái Phiếu mà mình đang sở hữu tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
- c) Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại Trái Phiếu trước hạn theo Điều Khoản 10 (a) (ii), mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái phiếu mà mình đang nắm giữ tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà không do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc VSDC hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

sở hữu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

- d) Tất cả các Trái Phiếu khi được mua lại theo Điều Khoản 10 (b), (c) sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- e) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điều 10 này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo việc mua lại ("**Thông Báo Mua Lại**") trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ít nhất 15 (mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và của VSDC sau khi Trái phiếu được lưu ký tại VSDC.

11. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

12. Mục đích phát hành Trái Phiếu

SHB dự kiến sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu này để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của SHB.

Dự kiến phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt 1

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Dự kiến Quý IV/2024
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	500
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	500
3	Xây dựng	500
4	Vận tải kho bãi	500
5	Kinh doanh bất động sản	500
Tổng		2.500

Nguồn: SHB

Theo Nghị quyết HĐQT số 21/2024/NQ-HĐQT ngày 23/09/2024 của HĐQT SHB V/v Thông qua triển khai Phương án Phát hành Trái phiếu SHB ra công chúng năm 2024 và chi tiết Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu: Số tiền thực tế phân bổ cho các

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

lĩnh vực, ngành nghề cho vay và thời gian giải ngân cho các lĩnh vực, ngành nghề sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của SHB. Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế từng Đợt phát hành đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào thời gian và khối lượng Trái phiếu phát hành thành công từng Đợt tương ứng nhằm bảo đảm tối đa hiệu quả sử dụng vốn thu được từ chào bán Trái Phiếu.

Thực tế sử dụng vốn thu được từ Đợt 1 (2.350.619.000.000 VND)

Đơn vị: Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Thực tế đã sử dụng (tính đến ngày 31/03/2025)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	660.178.929.385
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	73.447.897.088
3	Xây dựng	650.945.838.617
4	Vận tải kho bãi	111.930.224.586
5	Kinh doanh bất động sản	854.116.110.324
Tổng		2.350.619.000.000

Nguồn: SHB

13. Nguồn thanh toán Trái Phiếu

- Thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu: SHB dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của SHB bị lỗ.
- Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái Phiếu, SHB dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của SHB để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

14. Lãi suất

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu là lãi suất thả nổi, được xác định theo nguyên tắc như sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,0%/năm (ba phần trăm một năm)

Trong đó:

Lãi Suất Tham Chiếu, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Ngân Hàng Tham Chiếu bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

15. Kỳ trả lãi

Lãi được thanh toán sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi.

Ngày Thanh Toán Lãi có nghĩa là mỗi ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, với điều kiện là (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ là ngày tròn 06 (sáu) tháng thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành, và (ii) Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng sẽ là Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn (nếu có) hoặc ngày mà Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn.

Ngày trả lãi kỳ đầu tiên: Dự kiến vào ngày 28/08/2025.

16. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

4. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
5. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
6. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá Trái Phiếu.

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
- Ngày phát hành: 28/02/2025
- Ngày đáo hạn: 28/02/2032
- Lãi suất trái phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu và 3,0%/năm
Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- Kỳ trả lãi: 06 tháng/lần
- Ngày định giá (ngày niêm yết dự kiến): 30/06/2025
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 14 kỳ
- Lãi suất coupon: Lãi suất coupon cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất theo thực tế là 7,675% và giả sử lãi suất coupon áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là 7,675%.
- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k) = Lãi Suất Tham Chiếu và 2,0%/năm. Lãi Suất Tham Chiếu giả định tại ngày niêm yết là 4,675%/năm.
- Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả sử tại ngày niêm yết dự kiến là 30/06/2025, giá của trái phiếu là:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	28/08/2025	28/02/2026	28/08/2026	28/02/2027	28/08/2027	28/02/2028	28/08/2028	28/02/2029	28/08/2029	28/02/2030	28/08/2030	28/02/2031	28/08/2031	28/02/2032
Lãi suất coupon	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%
Dòng tiền lãi														
$CF(i) = CPN \times \text{số ngày thực tế của kỳ tính lãi}/365$	3.806	3.869	3.806	3.869	3.806	3.869	3.827	3.869	3.806	3.869	3.806	3.869	3.806	3.869
Gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày năm giữ	59	243	424	608	789	973	1.155	1.339	1.520	1.704	1.885	2.069	2.250	2.434
Lãi suất chiết khấu	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%	6,675%

$$\begin{aligned}
 PV = & \frac{3.806}{(1+6,675\%)^{59/365}} + \frac{3.869}{(1+6,675\%)^{243/365}} + \frac{3.806}{(1+6,675\%)^{424/365}} + \frac{3.869}{(1+6,675\%)^{608/365}} + \frac{3.806}{(1+6,675\%)^{789/365}} + \frac{3.869}{(1+6,675\%)^{973/365}} + \frac{3.827}{(1+6,675\%)^{1.155/365}} \\
 & \frac{3.869}{(1+6,675\%)^{1.339/365}} + \frac{3.806}{(1+6,675\%)^{1.520/365}} + \frac{3.869}{(1+6,675\%)^{1.704/365}} + \frac{3.806}{(1+6,675\%)^{1.885/365}} + \frac{3.869}{(1+6,675\%)^{2.069/365}} + \frac{103.869}{(1+6,675\%)^{2.250/365}} + \frac{2.434/365}{(1+6,675\%)^{2.434/365}}
 \end{aligned}$$

Tương ứng:

$$PV = 3.766 + 3.706 + 3.531 + 3.474 + 3.310 + 3.257 + 3.119 + 3.053 + 2.908 + 2.861 + 2.726 + 2.682 + 2.555 + 67.507 = 108.457 \text{ VND}$$

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi nhuận kỳ hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi nhuận (Tỷ suất lợi nhuận) mà Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu khi mua và giữ Trái Phiếu đến hạn. Nói cách khác, YTM bằng với mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu với giá trị ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, Nhà Đầu Tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
- Ngày phát hành: 28/02/2025
- Ngày đáo hạn: 28/02/2032
- Lãi suất coupon: Lãi suất coupon cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất theo thực tế là 7,675% và giả sử lãi suất coupon áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là 7,675%.
- Kỳ trả lãi: 06 tháng/lần
- Ngày giao dịch dự kiến: 30/06/2025
- Giá giao dịch dự kiến: 105.000 đồng/trái phiếu.

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 105.000 đồng/trái phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	28/08/2025	28/02/2026	28/08/2026	28/02/2027	28/08/2027	28/02/2028	28/08/2028	28/02/2029	28/08/2029	28/02/2030	28/08/2030	28/02/2031	28/08/2031	28/02/2032
Lãi suất coupon	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%	7,675%
Dòng tiền lãi CFi	3.806	3.869	3.806	3.869	3.806	3.869	3.827	3.869	3.806	3.869	3.806	3.869	3.806	3.869
Dòng tiền gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày tính đến ngày trả lãi	59	243	424	608	789	973	1.155	1.339	1.520	1.704	1.885	2.069	2.250	2.434

$$\begin{aligned}
 105.000 &= \frac{3.806}{(1+k)^{59/365}} + \frac{3.869}{(1+k)^{243/365}} + \frac{3.806}{(1+k)^{424/365}} + \frac{3.869}{(1+k)^{608/365}} + \frac{3.806}{(1+k)^{789/365}} + \frac{3.869}{(1+k)^{973/365}} + \frac{3.827}{(1+k)^{1.155/365}} \\
 &+ \frac{3.869}{(1+k)^{1.339/365}} + \frac{3.806}{(1+k)^{1.520/365}} + \frac{3.869}{(1+k)^{1.704/365}} + \frac{3.806}{(1+k)^{1.885/365}} + \frac{3.869}{(1+k)^{2.069/365}} + \frac{103.869}{(1+k)^{2.250/365}} + \frac{2.434}{(1+k)^{2.434/365}}
 \end{aligned}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 7,34\%$. Do đó $YTM = 7,34\%$.

18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết

Tỷ lệ lạm phát là chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Lạm phát là sự tăng mức giá chung một cách liên tục của hàng hóa và dịch vụ theo thời gian và sự mất giá trị của một loại tiền tệ nào đó. Khi mức giá chung tăng cao, một đơn vị tiền tệ sẽ mua được ít hàng hóa và dịch vụ hơn so với trước đây, do đó, lạm phát phản ánh sự suy giảm sức mua trên một đơn vị tiền tệ. Do đó, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp và ổn định sẽ tạo ra các điều kiện cho chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Chỉ số giá tiêu dùng CPI - Consumer Price Index là chỉ số tính theo phần trăm phản ánh mức thay đổi của giá hàng tiêu dùng theo thời gian và được sử dụng phổ biến để đo lường sự thay đổi của mức giá, tức là lạm phát.

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân đã giảm từ 18,58% năm 2011 xuống ổn định ở mức khoảng 3,04% trong giai đoạn 2018 - 2024.

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại với hệ số lãi suất dựa trên lợi suất yêu cầu (lãi suất chiết khấu) là lãi suất thị trường kỳ vọng. Do đó, giá trị Trái Phiếu chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm xuống khi lãi suất thị trường tăng và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường trung bình sẽ có xu hướng tăng tương ứng, làm cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm, làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn của Trái Phiếu không có diễn biến bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình trạng lạm phát và lãi suất do một số nguyên nhân sau:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 06 tháng/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, NHNN và Chính Phủ luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

19. Cam kết về bảo đảm

Trái Phiếu không có bảo đảm nên không có cam kết về bảo đảm

20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

MÃ TRÁI PHIẾU SHB125010

Đối với loại Trái Phiếu do SHB đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu và nắm giữ đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó, có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư trong nước cho Nhà Đầu Tư nước ngoài.

21. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu nhập

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu: 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

d) Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thực hiện như sau:

- Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC:
 - o Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền Lãi, tiền lãi trên khoản Gốc, Lãi Trái Phiếu quá hạn và tiền thanh toán mua lại trước hạn đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân.
 - o Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí áp dụng trong trường hợp chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm thực hiện thủ tục xác nhận chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC: việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này nếu không mâu thuẫn.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888 *Fax:* (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 71 050 000 *Fax:* (84 24) 62 885 678

Website: www.deloitte.com/vn

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, năm 2024; Quý I/2025;
4. **Phụ lục IV:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;
5. **Phụ lục V:** Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2025

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CHỦ TỊCH HĐQT



Đỗ Quang Hiến

TRƯỞNG BKS



Phạm Hòa Bình

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Vân

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI 
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Thành

